



TỔNG CTY CỔ PHẦN XNK & XÂY DỰNG VIỆT NAM
VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Không ngừng sáng tạo, vươn tới đỉnh cao

BÁO CÁO **THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

HÀ NỘI, THÁNG 04/2011

MỤC LỤC

I	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	1
II	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
III	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
IV	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	19
V	BẢN GIẢI TRÌNH BCTC VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN..	19
VI	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	19
VII	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	20
VIII	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY... 	30

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX
Năm báo cáo: 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập

Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng VINACONEX được thành lập theo Quyết định số 178/BXD-TCLĐ ngày 24 tháng 3 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở từ Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Tổng công ty xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Tuy nhiên giai đoạn này công ty chưa đi vào hoạt động. Đến ngày 11/9/1997 có quyết định số 2394/VC - TCLĐ của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty chuyển toàn bộ cán bộ nhân viên của Xí nghiệp khảo sát thiết kế thuộc Công ty xây dựng cấp thoát nước sang Công ty tư vấn xây dựng VINACONEX - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, và ngày 01/10/1997, Công ty mới chính thức hoạt động. Sau đó công ty đổi tên thành Công ty tư vấn xây dựng cấp thoát nước và môi trường theo quyết định số 790BXD - TCLĐ ngày 03/11/2009 của Bộ Xây dựng.

Đến năm 2002 công ty đổi tên thành Công ty tư vấn xây dựng VINACONEX theo quyết định số 262/BXD - TCLĐ ngày 01/3/2002;

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Đến năm 2003, theo quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/10/2003 của Bộ Xây dựng, Công ty Tư vấn Xây dựng VINACONEX được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 13/01/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Kể từ đó đến nay Công ty đã có 4 lần thay đổi kinh doanh cụ thể như sau:

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 (nhất) ngày 22/12/2004;
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 20/9/2005;
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 (ba) ngày 29/6/2006;
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 4 (tư) ngày 02/01/2009

+ Niêm yết:

Ngày 02/07/2010, công ty đã được cấp mã chứng khoán giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam là VCT

Số lượng : 1.100.000 cổ phiếu

Ngày 15/07/2010 công ty đã chính thức giao dịch tại sàn UpCom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 13/01/2004, đăng ký thay đổi lần 4 (bốn) vào ngày 02/01/2009, Công ty được kinh doanh các ngành nghề sau:

- ✓ *Tư vấn đầu tư: Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;*
- ✓ *Tư vấn đấu thầu: Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, tư vấn xét thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;*
- ✓ *Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình, lập dự án đầu tư;*
- ✓ *Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;*
- ✓ *Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế đến 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;*
- ✓ *Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;*
- ✓ *Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư, khu đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;*
- ✓ *Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;*
- ✓ *Xây dựng thực nghiệm các công trình xử lý nước sạch, nước thải;*
- ✓ *Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.*

+ Tình hình hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động tư vấn trong lĩnh vực xây dựng. Với các dịch vụ cụ thể như sau:

➤ **TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN:**

- *Tư vấn đầu tư:* Tư vấn cho chủ đầu tư những cơ hội đầu tư hiệu quả. Xác định những chiến lược đầu tư đảm bảo những dự án khả thi, nâng cao lợi nhuận, tiết kiệm chi phí, đảm bảo kế hoạch triển khai và tuân thủ luật pháp và những quy định của pháp luật Việt Nam.

- *Quản lý dự án:* đảm bảo quản lý dự án đúng thiết kế, với chất lượng cao, khối lượng đầy đủ và chính xác, đúng tiến độ đã được duyệt, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy, nổ.

➤ **TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH & NỘI NGOẠI THẤT**

- *Tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch và nội ngoại thất:* (quy hoạch đô thị, tư vấn công trình dân dụng, công trình công nghiệp, cảnh quan, nội thất) được coi là nhiệm vụ sống còn trong hoạt động tư vấn của Công ty. Tham gia vào tất cả các mảng công trình phục vụ xã hội, các dự án thiết kế của VINACONSULT ở các giai đoạn: Thiết kế ý tưởng, thiết kế cơ sở, Thiết kế bản vẽ kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công luôn được đánh giá cao góp phần tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước và phục vụ thiết thực cho mọi đối tượng.

- Hiện nay với sự hòa nhập quốc tế sâu rộng, VINACONSULT đã mở rộng hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài của các nước như: Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, ... để triển khai những công trình với quy mô lớn có yêu cầu rất cao về kỹ thuật, mỹ thuật. Qua sự hợp tác giúp Công ty và cán bộ nhân viên của Công ty tiếp thu được nhiều kinh nghiệm quý báu cho công tác quản lý, cập nhật công nghệ mới, nâng cao trình độ tay nghề.

➤ **THIẾT KẾ HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC:**

Trưởng thành từ một đơn vị thiết kế cấp thoát nước nên VINACONSULT được thừa kế một bề dày kinh nghiệm, một đội ngũ cán bộ, kỹ sư có đủ về bề rộng và chiều sâu. Phát huy tốt các mối quan hệ và không ngừng

học hỏi để nâng cao trình độ và để khẳng định vị thế hàng đầu của mình. Hiện nay Công ty đang tham gia thiết kế những hệ thống cấp nước lớn nhất Việt Nam như: Hệ thống cấp nước Sông Đà với công suất 600.000 m³/ngày đêm; hệ thống cấp nước Thủ Đức 300.000 m³/ngày đêm. Ngoài ra Công ty còn tư vấn cho các cơ quan quản lý để phát triển hệ thống hạ tầng cấp nước;

➤ **THIẾT KẾ CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Thiết kế các công trình thủy điện và công trình hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm truyền thống và là thế mạnh của VINACONSULT. Trong những năm qua rất nhiều dự án đã được công ty thực hiện như: thủy điện Ngòi Phát (57MW), thủy điện Nậm Chim I (16MW),; các công trình thủy lợi như: Dự án kênh Ba Bò, Khu đô thị du lịch Cái Giá, hồ thủy lợi Cửa Đạt; ...; các công trình hạ tầng kỹ thuật như: Khu công nghiệp Bắc Phú Cát, khu công nghiệp Quang Minh, ...

➤ **TƯ VẤN GIÁM SÁT**

Tư vấn giám sát là một ngành nghề khó, không đơn thuần là giám sát thi công xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ theo nội quy được thống nhất theo quy định mà đòi hỏi những kỹ sư thực hiện phải có kỹ năng như: giao tiếp, thuyết trình, phán đoán và phải am hiểu luật pháp xây dựng ... đòi hỏi cần có kiến thức chuyên môn vững vàng, có bề dày kinh nghiệm ngoài công trường để có thể đáp ứng, xử lý với những tình huống bất ngờ.

MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU MÀ CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN:

DA1: Hệ thống cấp nước Sông Đà - lớn nhất Việt Nam

Thông tin về dự án:

1. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
 2. Nguồn vốn: Tổng Công ty VINACONEX.
 3. Thời gian thực hiện: 2004 - 2008 (Giai đoạn 1).
 4. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX
- Nội dung công việc: Thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công và lập dự toán.

Quy mô và lựa chọn công suất thiết kế:

Tổng công suất thiết kế là 600.000 m³/ngày đêm.

Giai đoạn 1(2005): Công suất 300.000m³/ngày đêm (gồm hai đơn nguyên, mỗi đơn nguyên công suất 150.000 m³/ngày đêm).

Giai đoạn 2(2010): Nâng công suất đạt 600.000m³/ngày đêm (Xây thêm hai đơn nguyên, mỗi đơn nguyên công suất 150.000m³/ngày đêm).

Định hướng sau 2020: Nâng tổng công suất lên 1.200.000m³/ngày đêm.

DA2: Khu Đô thị mới Bắc An Khánh – Splendor

Thông tin về Dự án:

1. Chủ đầu tư: Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh
2. Tổng mức đầu tư: 2.000.000.000 USD (Giai đoạn 1: 211.965.672 USD)
3. Thời gian thực hiện: 2008 - 2018 (Giai đoạn 1: 2008-2011)
4. Đơn vị tư vấn thiết kế:

- Thiết kế ý tưởng và thiết kế cơ sở: Dongil Architects and Engineer và Daewoo Engineering Company;
- Thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

Diện tích xây dựng KĐT: 264,13 ha (Giai đoạn 1: 40ha)

Khu đô thị mới Bắc An Khánh nằm ở phía Tây thủ đô Hà Nội, có trục đường cao tốc Láng - Hòa Lạc đi qua, trong phạm vi từ Km 8+400 đến đê Tả sông Đáy tại Km 10+700. Thuộc ranh giới quản lý hành chính của các xã An Khánh, xã Lại Yên, Xã Song Phương và xã Vân Canh huyện Hoài Đức tỉnh Hà Tây.

DA 3: Công trình Nhà máy thủy điện Cửa Đạt - Thanh Hóa

Tư vấn giám sát thi công công trình Nhà máy thủy điện Cửa Đạt

1. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thủy điện Cửa Đạt.
2. Quy mô: Công suất 97 MW
3. Địa điểm: Tỉnh Thanh Hóa
4. Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36 (là Công ty con của VINACONSULT).

Nội dung công việc được giao:

- Tư vấn giám sát.
- Tư vấn đấu thầu gói thầu: Cung cấp thiết bị vật tư xây lắp.

DA 4: Công trình nhà ở hỗn hợp trên lô đất N05 - Trần Duy Hưng

1. Chủ đầu tư: VINACONEX.
2. Tổng mức đầu tư: 1.636.721.491.000 đồng
3. Thời gian thực hiện dự án: 2007 - 2008.
4. Đơn vị tư vấn thiết kế:
 - Thiết kế kiến trúc: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới R&D;
 - Thiết kế kết cấu, hệ thống điện, cấp thoát nước, M&E...: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

DA 5: Công trình Trung tâm thương mại Chợ Mơ

1. Chủ đầu tư : Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex - VCTD.
2. Tổng mức đầu tư: 1.504.428.589.000 đồng
3. Thời gian thực hiện dự án: 90 ngày

4. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinaconex tổng thầu.

DA 6: Công trình Nhà máy xi măng Yên Bình.

1. Chủ đầu tư : Công ty cổ phần xi măng Yên bình
2. Tổng mức đầu tư: 1.160.000.000.000 đồng
3. Thời gian thực hiện dự án: 2005 - 2006.
4. Nội dung công việc: Thiết kế bản vẽ thi công

DA 7: Công trình Khu đô thị mới An Vân Dương Huế.

1. Chủ đầu tư : Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế
2. Tổng giá trị hợp đồng : 719.000.000 đồng
3. Thời gian thực hiện dự án: 2007
4. Nội dung công việc: Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000

Ngoài dự án tiêu biểu trên thì Công ty còn thực hiện rất nhiều dự án khác. Để tham khảo thêm thông tin mời Quý nhà đầu tư tham khảo tại trang web của Công ty: www.vinaconsult.com.vn

3. Định hướng phát triển

Được thể hiện trong Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của Ban Giám Đốc

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong năm 2010, mặc dù gặp nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo kịp thời để cùng Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

a. Hoạt động SXKD năm 2010 riêng và hợp nhất 03 công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất thực hiện 03 công ty
	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ % TH/KH	
Tổng doanh thu	69.959,75	61.745,55	88,27	90.453,66
Lợi nhuận trước thuế	4.588,76	4.929,68	107,43	6.724,79
Cổ tức	15%	15%	100%	

b. Về quản lý vốn:

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 11 tỷ đồng, trong đó số vốn dùng cho hoạt động đầu tư vào công ty con và công ty liên kết là : 5.064,1 triệu đồng, vốn dùng cho hoạt động đầu tư khác và hoạt động sản xuất kinh doanh là : 5.935,9 triệu đồng

Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả như sau:

- Những việc đã làm được theo nghị quyết Đại Hội cổ đông 2009 thông qua:

Tổng số vốn đầu tư vào 03 Công ty là: 5.064,1 triệu đồng, trong đó:

- + Góp vốn vào Công ty CP TV&ĐT Vinaconex 36 là 2.220 triệu đồng. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là 55%.
- + Góp vốn vào Công ty CP TV&ĐTXD Vinaconex 18 là 1.844,1 triệu đồng. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là 61,47%.
- + Góp vốn vào Công ty TNHH MTV nước sạch Vinaconex - VIWASUPCO 1.000 triệu đồng.

- Những việc chưa làm được theo nghị quyết ĐHCĐ 2009 thông qua:

Năm 2010, ĐHCĐ thống nhất sẽ đầu tư 1.000 triệu đồng vào Công ty CP vật tư ngành nước Vinaconex - VIWAPICO. HĐQT xét thấy năm 2010 tổng khoản mục đầu tư đã thực hiện có quy mô khá lớn so với vốn điều lệ, vì vậy HĐQT đề nghị tạm hoãn kế hoạch đầu tư vào VIWAPICO, chờ kết quả SXKD của những năm tiếp theo sẽ tiếp tục đầu tư.

Kết luận: Việc sử dụng vốn điều lệ của Công ty để thực hiện đầu tư đã được HĐQT xem xét kỹ lưỡng trước khi thực hiện và thực tế cho thấy đã sử dụng vốn đầu tư tại các công ty con và công ty liên kết đều có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn kinh doanh.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Đưa doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Upcom vào tháng 7/2010.
- Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc, cụ thể:
 - + Đầu tư sàn văn phòng tại N05 diện tích sàn 1.622,6 m², công ty đã thực hiện thanh toán đợt 1- năm 2010 là 24.988,040 triệu đồng.

+ Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần nước sạch VINACONEX là 1.000 triệu đồng; Mua 18.000 cổ phần còn lại của Công ty VINACONEX 36 với giá trị là 180 triệu đồng

3. Định hướng kế hoạch dài hạn và định hướng kế hoạch năm 2011

a) Những chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2011:

Căn cứ định hướng chiến lược phát triển của Công ty từ năm 2010 đến năm 2015 và căn cứ tình hình thực tế năm 2011, HĐQT công ty nhận định nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn, Chính phủ thực thi các chính sách để ổn định vĩ mô: hạn chế đầu tư công, kìm chế lạm phát, do đó HĐQT đề ra KHSXKD với các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2011 hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất kế hoạch 03 công ty
	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	So với TH 2010 (%)	
Tổng doanh thu	61.745,55	79.150,75	128,19	113.557,27
Lợi nhuận trước thuế	4.929,68	4.606,00	93,43	7.291,14
Cổ tức (%)	15	20	133	

b) Về quản lý vốn:

- Đối với Công ty mẹ: sử dụng và bảo toàn vốn điều lệ một cách có hiệu quả, đảm bảo tỷ lệ cổ tức là 20% xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ phù hợp.

- Đối với các Công ty thành viên: Xây dựng lộ trình tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ để đưa Công ty niêm yết lên sàn chứng khoán. Thời gian dự kiến trong vòng 03 năm.

c) Đầu tư cơ sở vật chất:

• Công ty mẹ:

- Tiếp tục thực hiện đầu tư văn phòng tại tầng 6 Tòa nhà 25T2 - Cụm nhà ở hỗn hợp cao tầng tại Lô đất N05 thuộc dự án Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nghiên cứu khai thác sử dụng văn phòng có hiệu quả.

- Đầu tư 01 đến 02 ô tô con để phục vụ sản xuất.

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng.

Tổng dự kiến đầu tư năm 2011 là: 27.853 triệu đồng.

- Công ty CP TV&ĐT Vinaconex 18:

- Lập DA ĐTXD Trụ sở của Công ty tại Thanh Hóa, trình các cấp phê duyệt.
- Thống nhất cho Vinaconex 18 đầu tư mua 01 ô tô 5 chỗ để phục vụ sản xuất, trình các cấp phê duyệt.

- Công ty CP TV&ĐTXD Vinaconex 36:

- Thống nhất cho Vinaconex 36 đầu tư mua 01 ô tô 5 chỗ để phục vụ sản xuất, trình các cấp phê duyệt.

d) Định hướng chỉ đạo sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con:

HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện các văn bản pháp lý, các quy định về quản lý, thống nhất mô hình quản lý từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, định hướng từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên đi đúng hướng và thống nhất cùng phát triển ổn định, bền vững, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2011 đã đề ra.

e) Định hướng chỉ đạo về công tác thị trường:

Xây dựng chiến lược về thị trường, chiến lược tìm kiếm công ăn việc làm. Năm 2010, HĐQT đã xác định có bốn nguồn việc chủ yếu. Đó là định hướng lớn cần phát huy cho các năm sau, đặc biệt là nguồn việc từ tư vấn đầu tư, khẳng định giá trị tư vấn và thương hiệu của Vinaconsult.

f) Định hướng chỉ đạo về công tác xây dựng doanh nghiệp:

- Năm 2011 và các năm sau, Công ty mở rộng hình thức kinh doanh sang lĩnh vực Tư vấn đầu tư và Đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Năm 2011 và các năm sau đặt mục tiêu tìm được đối tác tư vấn chiến lược quốc tế để trước mắt là hợp tác thực hiện các dự án trong và ngoài nước, qua đó học tập kinh nghiệm nâng cao năng lực tư vấn và xây dựng thương hiệu Công ty.

g) Định hướng chỉ đạo về tổ chức sản xuất:

- Tổ chức:
 - Bộ máy lãnh đạo: Năm 2011 Chủ tịch HĐQT sẽ không làm kiêm nhiệm và sẽ bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới đồng thời bổ nhiệm thêm Phó Tổng giám đốc phụ trách về tài chính.
 - Kiện toàn bộ máy quản lý của khối phòng ban và tổ chức hoạt động của khối sản xuất nhằm nâng cao năng lực điều hành hoạt động của Công ty.
 - Chỉ đạo rà soát lại các Quy định, Quy chế đã ban hành để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

Hoàn thiện cuốn Văn hóa doanh nghiệp của Công ty, để phổ biến giáo dục cho người lao động, tạo môi trường làm việc thân thiện, văn hóa và chuyên nghiệp, góp phần nâng cao giá trị thương hiệu của Vinaconsult.

- Xây dựng nhận diện thương hiệu và Quy trình ISO 9001:2008:
- Công tác xã hội từ thiện.
- Công tác thi đua: Cần xây dựng các tiêu chí thi đua, có đánh giá từng đợt, tổng kết khen thưởng đúng người đúng việc.
- Công tác chăm lo đời sống CBNV:

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và biện pháp kiểm tra phân phối thu nhập, thanh toán tiền lương cho lao động kịp thời, đảm bảo đúng quy định của chế độ hiện hành. Thực hiện tốt các chế độ chính sách cán bộ đối với toàn thể CBNV, tạo không khí tin tưởng đầm ấm trong Công ty, động viên mọi người gắn bó với Công ty, cố gắng nỗ lực làm việc vì lợi ích chung của Công ty và cá nhân mỗi người.

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

- *Tham khảo Phụ lục 1: Báo cáo tài chính năm 2010 (đính kèm)*
- **Cổ phiếu:**
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn Vốn chủ sở hữu (trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)} \quad 19.192.286.605}{\text{Tổng số cổ phần (trừ cổ phiếu quỹ)} \quad 1.100.000} = 17.448 \text{ đồng}$$

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 1.100.000 cổ phiếu
- Cổ tức năm 2010: 15%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**Hoạt động SXKD năm 2010 hợp nhất:*

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐV tính	TH 2009	KH 2010	TH 2010	So với KH 2010 (%)	So với TH 2009 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
1	Giá trị Tổng sản lượng	Tr.Đồng	89.113,00	100.000,00	99.885,36	99,89	112,09
2	Tổng doanh thu	Tr.Đồng	100.001,00	104.545,45	90.453,66	86,52	90,45
3	Nộp ngân sách	Tr.Đồng	12.535,25	17.285,45	14.974,86	86,63	119,46
4	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.Đồng	6.370,00	7.170,96	6.724,79	93,78	105,57
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Ng.đồng	5.198,62	6.569,00	6.141,66	93,49	118,14
6	Cổ tức	%	15	15	15	100	100

* Hoạt động SXKD năm 2010 của riêng Công ty mẹ:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐV tính	TH 2009	KH 2010	TH 2010	So với KH 2010 (%)	So với TH 2009 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
1	Giá trị Tổng sản lượng	Tr.Đồng	56.027,00	60.000,00	65.847,39	109,75	117,53
2	Tổng doanh thu	Tr.Đồng	61.305,06	69.959,75	61.745,55	88,27	100,72
3	Nộp ngân sách	Tr.Đồng	8.927,87	12.637,80	9.616,82	76,10	107,72
4	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.Đồng	3.952,00	4.588,76	4.929,68	107,43	124,71
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Ng.đồng	7.895,70	8.117,85	8.114,98	99,23	102,78
6	Cổ tức	%	15	15	15	100	100

Chỉ tiêu doanh thu thực hiện chưa đạt được mục tiêu đề ra, nguyên nhân là do:

- Giữa năm 2010, Nhà nước đưa ra chính sách thắt chặt nguồn vốn cho vay các dự án Bất động sản. Các nhà đầu tư muốn vay vốn phải chịu lãi suất cao nên ảnh hưởng đến việc đầu tư các dự án.
- Quy hoạch Hà Nội mở rộng đang trong giai đoạn điều chỉnh, chưa hoàn thiện, nên các dự án đầu tư đang tiếp cận phải dừng chờ phê duyệt.
- Xuất hiện quá nhiều yếu tố cạnh tranh, đặc biệt với 1 số tư vấn nước ngoài.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Thực hiện hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, sau rất nhiều nỗ lực, cùng với sự chỉ đạo đúng hướng của Ban lãnh đạo, kết quả: Cùng với sự phát triển vượt bậc của Công ty mẹ, hai công ty thành viên từ làm ăn thua lỗ đến nay đã đi vào hoạt động ổn định, tăng trưởng, hoàn thành kế hoạch và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, đã đảm bảo mức cổ tức chi trả cho các cổ đông theo đúng kế hoạch đã đề ra.

b. Công tác Thị trường và Đấu thầu

Năm 2010, Công ty đã tham gia đấu thầu và thi đấu nhiều dự án, làm tiền đề cho kế hoạch sản xuất năm 2011. Năm 2010, Công ty cũng đã tìm kiếm và ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị lớn. Tổng giá trị Hợp đồng ký kết năm 2010 là 92.445 triệu đồng.

c. Công tác tổ chức nhân sự.

- *Sắp xếp bộ máy tổ chức và kiện toàn tổ chức sản sản xuất:*
 - Hoàn thiện bộ máy hoạt động từ phòng ban đến các đơn vị sản xuất cũng như nâng cao năng lực điều hành hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành việc chỉnh sửa chức năng nhiệm vụ các phòng ban trong công ty cũng như thực hiện tuyển dụng, sắp xếp lại lao động tại các bộ phận với mục tiêu: Nâng cao năng lực và chất lượng công việc. Công ty đã kiện toàn toàn bộ khối các đơn vị trực thuộc: thành lập phòng Đối ngoại – Pháp chế; Tách phòng Tổ chức hành chính; Kiện toàn tổ chức các phòng ban trong công ty...

- Công ty cũng đã tiến hành sắp xếp lại vị trí làm việc của một số cán bộ khối Quản lý và khối sản xuất. Năm 2010 đã làm thủ tục bổ nhiệm cho 07 đồng chí giữ các chức danh lãnh đạo công ty, và đã tuyển dụng 29 Kỹ sư các chuyên ngành bổ sung cho khối sản xuất.

- Đã kịp thời rà soát và điều chỉnh việc phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể trong Ban Tổng Giám đốc, các trưởng, phó phòng, các Giám đốc, Phó Giám đốc các văn phòng và Trung tâm.

- *Lao động tiền lương, chăm lo đời sống CBCNV.*

- Phân phối thu nhập, thanh toán tiền lương đối với toàn thể Cán bộ nhân viên theo quy định của chế độ hiện hành.

- Thực hiện giải quyết hết tập sự, nâng lương và chuyển ngạch viên chức cho CBCNV theo đúng pháp lệnh nhà nước và quy chế đề ra.

Công tác đào tạo năm 2010: Công ty Tổ chức học bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tư vấn, đầu tư xây dựng. Tham gia các hội thảo có liên quan đến lĩnh vực tư vấn xây dựng, cụ thể: Tổ chức học tập trung tại công ty lớp học kết cấu AIC, Cử và tài trợ cho các cán bộ đi đào tạo cao học, Cử đào tạo cán bộ đi tập huấn về giám sát thi công công trình Xây dựng, quản lý kinh tế trong đầu tư Xây dựng, Cử cán bộ quản lý đi học lớp đào tạo dành cho nhà quản lý như lớp CEO, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính... Tổ chức cho toàn thể CBCNV đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài.

d. Công tác quản lý tài chính, kế toán

- Năm 2010, Công ty cũng đã thực hiện tốt công tác đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho kế hoạch đầu tư sản N05 của Công ty.

- Công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt trong năm, kết quả thu hồi công nợ là 64.297 triệu đồng đạt 106% kế hoạch (60.890 triệu đồng).

- Thực hiện nghiêm túc quy chế, chính sách tài chính của nhà nước, của Tổng Công ty và Công ty cũng như các quy định về tài chính – kế toán.

- Đảm bảo thanh toán lương cũng như các chi phí sản xuất được kịp thời .

- Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính phải nộp với nhà nước và Tổng công ty.

- Công tác báo cáo thường kỳ đảm bảo kịp thời đầy đủ.

- Tổ chức hướng dẫn công tác hạch toán tài chính kế toán cho các bộ phận trực tiếp sản xuất tại công ty mẹ cũng như các công ty con.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn .
- rà soát và nghiệm thu, đơn đốc thu hồi vốn các công trình đã hoàn thành các năm trước với chủ đầu tư theo đúng quy định để giải quyết dứt điểm công nợ tồn đọng.

e. Công tác quản lý kỹ thuật và nghiên cứu khoa học.

- Đã thực hiện công tác kiểm tra hồ sơ thiết kế của các VP sản xuất trước khi giao chủ đầu tư.
- Thực hiện tốt công tác giám sát tác giả các dự án.
- Hoàn thiện việc lập các quy trình quản lý theo ISO, kết hợp với các nội dung về nhận diện thương hiệu hoàn chỉnh quy trình quản lý nội bộ.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra chất lượng bảo trì hệ thống máy tính. Đồng thời đưa các thông tin lên mạng nội bộ đảm bảo chính xác, kịp thời.
- Công ty cũng đang thực hiện 02 đề tài khoa học công nghệ tài nguyên và môi trường. Tiến độ đến năm 2012, đó là: Nghiên cứu ứng dụng xử lý nước thải tại nguồn sử dụng cho nhà cao tầng đô thị và cụm làng nghề và Đề án cải tạo xử lý nước ô nhiễm sông Tô Lịch.
- Năm 2010, Công ty cũng đã hoàn thành xây dựng trang dữ liệu điện tử, lưu các công trình tiêu biểu của Công ty thiết kế từ năm 2000 đến nay.

f. Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp

Công ty đang xây dựng và xác lập một hệ thống các giá trị được tất cả các CBCNV chấp nhận và chia sẻ để tạo dựng lòng tin từng cá nhân và tập thể để xây dựng công ty ngày một phát triển bền vững. Thực hiện đúng Slogan của VINACONEX: “Xây những giá trị, dựng những ước mơ” và Slogan của Công ty là “Không ngừng sáng tạo, vươn tới đỉnh cao”.

g. Về công tác xã hội, từ thiện:

Công ty đã thành lập “Quỹ vì người nghèo” để chia sẻ, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. “Quỹ khuyến học” để động viên các cháu là con cán bộ công nhân viên đạt thành tích xuất sắc trong học tập, tạo điều kiện cho bố mẹ các cháu yên tâm công tác, luôn gắn bó với Công ty.

Năm 2010 cũng là năm Công ty tích cực tham gia các hoạt động từ thiện của xã hội với sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn thể CBCNV. Tổng số tiền ủng hộ, từ thiện lên

tới gần 120 triệu đồng. Cụ thể, Công ty đã tham gia, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình liệt sỹ tại Quảng Bình, Quảng Trị.....

Tất cả những nghĩa cử cao đẹp trên càng tôn lên truyền thống tương thân tương ái, đùm bọc lẫn nhau của tập thể CBCNV Công ty.

h. Công tác thi đua sản xuất:

Ngay từ đầu năm công ty đã đưa ra các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của từng đơn vị trong công ty, tổ chức ký cam kết thi đua, phát động thi đua sản xuất trong toàn Công ty theo từng đợt. Sau mỗi đợt thi đua, Công ty đã tiến hành tổng kết và khen thưởng tới từng cá nhân và tập thể, cụ thể:

Danh hiệu cá nhân:

- Lao động tiên tiến : 215 người.
- Chiến sỹ thi đua cơ sở : 73 người.
- Bằng khen Tổng Công ty : 73 người.
- Bằng khen Bộ Xây dựng : 11 người.

Danh hiệu tập thể:

- Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen Tổng Công ty : 14 tập thể
- Tập thể lao động tiên tiến: 03 tập thể.

Ngoài các danh hiệu trên, Công ty còn khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua năm 2010.

Tổng số tiền khen thưởng lên tới : 270 triệu đồng.

4. Kế hoạch phát triển năm 2011

Tiến tới thực hiện thành công định hướng phát triển của Công ty đến năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 đề ra. Năm 2011, Công ty xác định sẽ tiếp tục củng cố các nguồn lực, tạo nền tảng vững chắc để Công ty có thể phát triển nhanh, bền vững và vươn ra thị trường quốc tế. Năm 2011, nhận thức nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, các kênh huy động vốn sẽ tiếp tục bị hạn chế và hiệu ứng tiêu cực từ những lo ngại về lạm phát. Với kết quả thực hiện năm 2010 đã nêu trên, trong năm 2011, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX sẽ xác định những nhiệm vụ trọng tâm sau :

a. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 đã đề ra:

* Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 hợp nhất

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐV tính	TH 2010	KH 2011	So với KH 2010 (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Giá trị Tổng sản lượng	Tr.Đồng	96.629,00	123.900,00	128,22
2	Tổng doanh thu	Tr.Đồng	90.453,66	113.557,27	125,31
3	Nộp ngân sách	Tr.Đồng	15.974,86	17.428,77	116,39
4	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.Đồng	6.724,79	7.291,14	108,42
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Ng.đồng	6.141,66	7.126,65	116,04
6	Cổ tức	%	15	15	100

* Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 của riêng Công ty mẹ:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐV tính	TH 2010	KH 2011	So với KH 2010 (%)
1	2	3	4	5	7=5/4
1	Giá trị Tổng sản lượng	Tr.Đồng	65.847,39	87.340,40	132,64
2	Tổng doanh thu	Tr.Đồng	61.745,55	79.150,75	128,19
3	Nộp ngân sách	Tr.Đồng	9.616,82	10.861,19	112,94
4	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.Đồng	4.929,68	4.606,00	93,43
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Ng.đồng	8.114,98	8.551,56	105,38
6	Cổ tức	%	15	20	133

b. Công tác quản lý, điều hành.

- Công tác tổ chức sản xuất và sắp xếp nhân sự, bộ máy từ công ty đến các đơn vị trực thuộc là công tác thường xuyên để phù hợp với quy mô sản xuất, nâng cao năng lực, giảm thiểu chi phí quản lý và các chi phí trung gian.

- Tiếp tục công tác thực hiện, chuyển đổi các mô hình tổ chức sản xuất và quản lý phù hợp với các giai đoạn phát triển của Công ty.

- Toàn công ty tập trung mọi nguồn lực thực hiện và hoàn thành tốt Dự án Bắc An Khánh Giai đoạn II.

- Hoàn chỉnh các quy chế trong công tác điều hành, phân rõ nghĩa vụ, trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân. Xem xét, cập nhật các mô hình quản lý tiên tiến, hướng tới xây dựng mục tiêu phát triển Công ty đến năm 2010 và tầm nhìn 2015.

c. Tiếp tục xây dựng và củng cố mô hình hoạt động Công ty mẹ – Công ty con.

- Thực hiện chiến lược phát triển thị trường cho Công ty mẹ và các Công ty con theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Cả 3 công ty, công ty mẹ và 2 đơn vị thành viên thống nhất mô hình sản xuất, các quy chế, đúng ISO và phương pháp hạch toán sản xuất kinh doanh... Công ty mẹ tiếp tục quan tâm chỉ đạo và đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm phát huy hiệu quả vốn các công ty con.

d. Công tác thị trường và xây dựng thương hiệu:

- Tiếp tục tích cực tìm kiếm công ăn việc làm; Huy động mọi nguồn lực phục vụ công tác tìm kiếm dự án cho năm 2011 và những năm tiếp theo. Công tác thị trường vẫn luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm của Công ty trong mọi thời điểm và là nhiệm vụ của tất cả cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Thành lập tổ chuyên trách nghiên cứu thị trường và marketing, tìm kiếm các dự án tiềm năng về cho Công ty.

- Cải tiến và làm đẹp hình thức hồ sơ đấu thầu, hồ sơ tiếp thị, hoàn chỉnh và cập nhật thông tin trên Website Công ty, tăng cường quảng bá hình ảnh VINACONSULT nhằm tăng tính cạnh tranh và nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường doanh nghiệp xây dựng.

- Công ty tiếp tục nghiên cứu xây dựng các dự án mang tính chiến lược, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và Tổng Công ty, như các dự án môi trường, cấp thoát nước, quy hoạch, nhà ở cho người thu nhập thấp và lĩnh vực công nghệ.

- Mở rộng các mối quan hệ tăng cường liên danh, liên kết: Các cơ quan chuyên môn về xây dựng và đặc biệt là với các tổ chức và Tư vấn nước ngoài nhằm nâng cao vị thế uy tín cho Công ty. Duy trì, củng cố mối quan hệ với các đối tác truyền thống như: Trường Đại học Kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng, các viện nghiên cứu như: Viện KHCN XD (IBST); Viện KH thủy lợi, Viện Kinh tế Xây dựng, Bộ xây dựng. Các tổ chức Tư vấn nước ngoài như: Forterline, WDG; SamWoo, Seagil... Thông qua các dự án tư vấn cụ thể để có điều kiện trao đổi, học tập về công tác chuyên môn, quản lý, điều hành.

e. Công tác tổ chức sản xuất:

- Tập trung vào việc nâng cao năng lực quản lý ở các phòng ban quản lý và tính chủ động tích cực ở các văn phòng sản xuất.

- Đối với các văn phòng sản xuất sẽ dần dần được tổ chức theo hướng chuyên môn hóa. Trước mắt xây dựng Văn phòng thiết kế ME đảm nhận việc thiết kế các bộ môn như: Điện – Nước – Điều hòa - Thông tin – Gas – PCCC – BMS... cho các công trình công nghiệp và dân dụng. Dần dần tiến tới xây dựng các văn phòng kết cấu xây dựng, dự toán, kiến trúc và quy hoạch, cấp thoát nước và hạ tầng riêng biệt trong các năm tiếp theo.

- Các văn phòng thiết kế phải thực hiện phân công cán bộ kiêm nhiệm trong các Văn phòng, quản lý như các công tác: Tài chính, Kế hoạch, kiểm soát chất lượng, quản lý vật tư thiết bị và hành chính, công tác đánh giá năng lực nhân viên của Văn phòng. Hình thành mối quan hệ của các cán bộ này với các phòng quản lý theo lĩnh vực.

f. Công tác xây dựng và đào tạo lực lượng:

- Đây là công tác quan trọng, là nhân tố để phát triển công ty do đó từ lãnh đạo đến nhân viên trong Công ty cần đặc biệt quan tâm. Để hoạt động đào tạo là hoạt động thường xuyên của Công ty, Ban điều hành Dự kiến triển khai các hình thức đào tạo:

+ Gửi CBCNV học tại các trung tâm đào tạo (Có bằng, có chứng chỉ).

+ Mời thầy, chuyên gia về giảng dạy tại Công ty.

+ Kèm cặp hướng dẫn nhau, người có kinh nghiệm truyền đạt, hướng dẫn cho người chưa có kinh nghiệm. Để làm tốt việc này cần có cơ chế động viên khuyến khích CBCNV đi học và người hướng dẫn kèm cặp.

- Đặc biệt phải rà soát lại việc bố trí phân công CBCNV, kịp thời gửi đi đào tạo bổ sung tiếp thu những kiến thức quản lý, khoa học kỹ thuật mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển của công ty.

- Rà soát chất lượng lao động hiện có, xây dựng kế hoạch phát triển về chất lượng lao động và ngành nghề đáp ứng nhu cầu về lao động của Công ty.

g. Hoàn thiện việc xây dựng các quy chế quản lý, điều hành của Công ty.

- Hoàn thiện quy chế khoán, về nguyên tắc vẫn thực hiện giao khoán chi phí, tuy nhiên chi tiết cho từng nội dung công việc giao khoán để có thể linh động hơn trong giao khoán.

- Hoàn thiện quy chế phân phối thu nhập, bổ sung hoàn chỉnh lại việc xếp lương năng lực, năng suất để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng quy định về chế độ báo cáo, quy định về trình ký, quy định về lưu trữ hồ sơ thiết kế, xây dựng thư viện hình ảnh để khai thác, tra cứu sử dụng nhằm tận dụng lao động quá khứ. Tăng cường chế độ kiểm tra, thanh tra và đánh giá tình hình thực hiện các quy chế, quy định. Kịp thời điều chỉnh những bất cập, hạn chế.

h. Công tác khoa học kỹ thuật:

- Nghiên cứu tư vấn công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, cấp thoát nước... để ứng dụng và chuyển giao công nghệ của nước ngoài vào nước ta tạo ra đặc thù riêng để xây dựng thương hiệu VINACONSULT.

- Tổ chức rút kinh nghiệm đưa ra các bài học từ các dự án trong nước và quốc tế để nâng cao năng lực thực hiện các dự án tiếp theo.

- Tổ chức cho các đơn vị sản xuất xây dựng các dự án kiểu mẫu theo đúng quy trình của Quản lý xây dựng cơ bản và ISO 9001:2008.
- Xây dựng, hoàn thiện quy trình quản lý kỹ thuật. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ đối với hồ sơ thiết kế nhằm nâng cao chất lượng hồ sơ thiết kế.
- Tích cực đôn đốc tiến độ, thực hiện thưởng phạt tiến độ nghiêm minh.

i. Công tác đầu tư:

- Tiếp tục đầu tư các trang thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư phần mềm phục vụ cho công tác tư vấn thiết kế.
- Đầu tư tiếp việc mua sàn N05 và lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị, cải tạo văn phòng tại Nhà D9 và mua xe ô tô con. Dự kiến kinh phí đầu tư năm 2011 với tổng giá trị đầu tư là 28.000 triệu đồng.
- Ban điều hành sẽ trình HĐQT về phương án cho thuê, khai thác kinh doanh sàn văn phòng N05 và có kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể.
- Nghiên cứu tiến tới làm thí điểm phương thức góp vốn cùng chủ đầu tư bằng giá trị chi phí tư vấn khi thực hiện tư vấn các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản.

k. Công tác Quản lý tài chính:

- Nâng cao năng lực tài chính bằng các biện pháp như tăng vòng quay vốn, sử dụng dòng vốn có hiệu quả; Tăng cường công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn để phục vụ SXKD.
- Xem xét các hình thức khác huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Tiếp tục nghiên cứu các hình thức, nguồn huy động vốn có hiệu quả khi nhu cầu phát sinh trong công tác sản xuất.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị sản xuất và các công ty con.
- Củng cố và duy trì các biện pháp Quản lý kiểm soát các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ theo quy định tài chính, kế toán.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch thích hợp và chính sách phù hợp trong việc thu hồi vốn hiệu quả nhằm phát huy vốn kinh doanh cao nhất, phù hợp với sự phát triển sản xuất kinh doanh theo mô hình Công ty cổ phần.

- Nâng cao chất lượng cán bộ chuyên môn nhằm đáp ứng ngày càng tốt công tác Kế toán - Tài chính ở các công ty con.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tham khảo Phụ lục 1: Báo cáo tài chính năm 2011(đính kèm) bao gồm:

- + Báo cáo tài chính hợp nhất
- + Báo cáo tài chính của công ty mẹ

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

Thành viên hãng kiểm toán quốc tế BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: tầng 11 Tòa nhà Sông Đà – số 165 Đường Cầu giấy – Quận Cầu Giấy- HN

Điện thoại: 04 62670491

Fax:04 62670494

Tham khảo Phụ lục 02: Báo cáo kiểm toán (đính kèm) gồm:

- + Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất
- + Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của công ty mẹ

2. Ban kiểm soát:

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính năm hợp nhất 2010 phù hợp với các quy định của UBCK nhà nước và pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: công ty mẹ và 02 công ty con được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất toàn công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.

Theo ý kiến của kiểm toán viên độc lập, Báo cáo tài chính hợp nhất toàn công ty năm 2010 đã phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam.

Ý kiến của Ban Kiểm soát: Ý kiến của kiểm toán viên đưa ra là có cơ sở, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX:

- Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
- Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, số 34 đường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 2224 9292 Fax: 04. 2224 9208
- Website: www.VINACONEX.com.vn

- Đăng ký kinh doanh số: 0103014768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 22/5/2008.
- Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX: 651.000 cổ phần tương đương 51%, là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

2. Công ty con, công ty mà Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần cho phối:

a. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36
- Địa chỉ: E10, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng)
- Điện thoại: 04. 8553 3657 Fax: 04. 8553 3658
- Đăng ký kinh doanh số: 0103001621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/12/2002, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 10/03/2009.
- Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36 đến thời điểm 31/12/2010 là: 222.000 cổ phần tương đương 55%, là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36. Tổng mức đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36 là 2.628,000 triệu đồng.

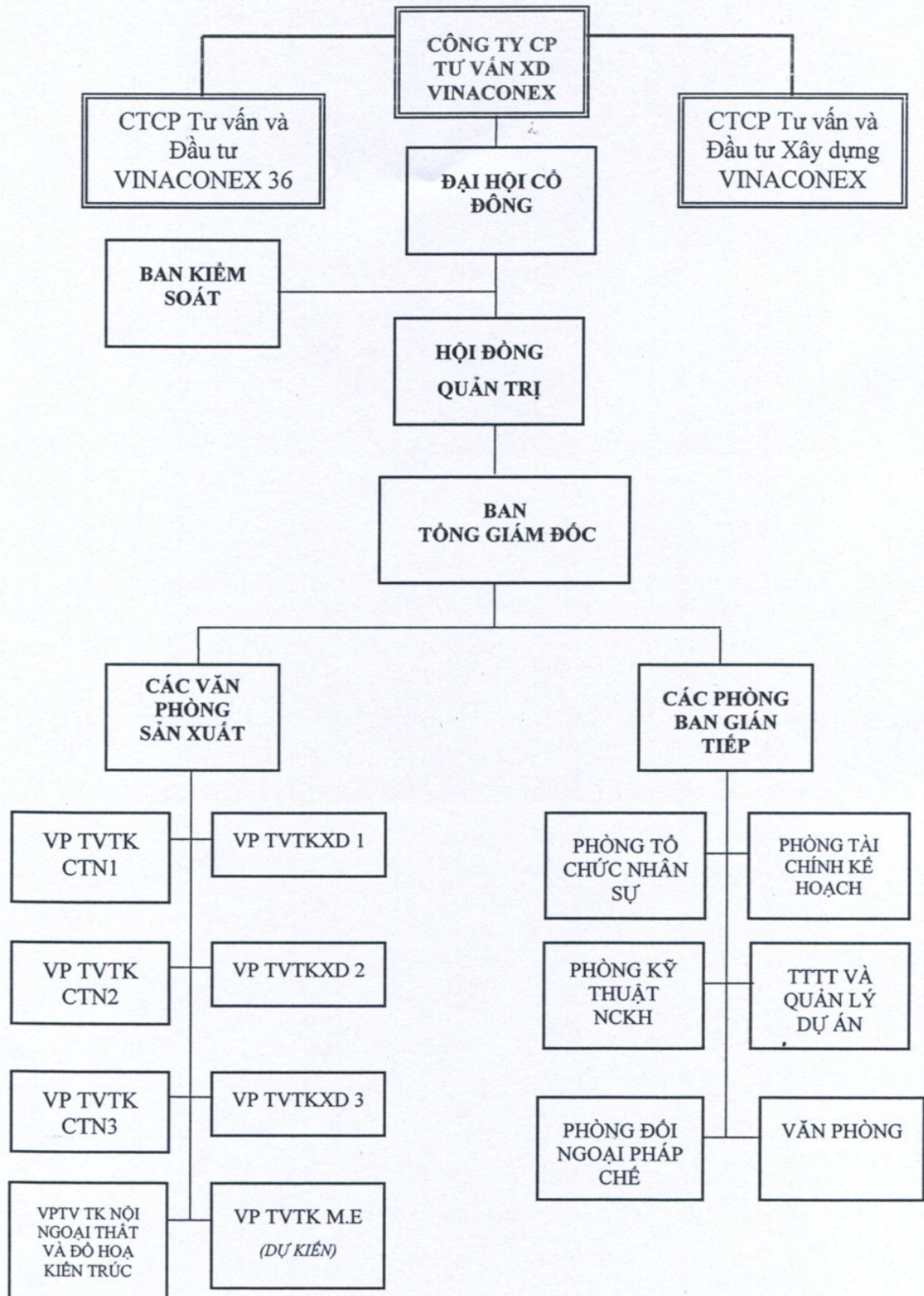
b. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng VINACONEX 18

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng VINACONEX 18
- Địa chỉ: Số 44 Minh Khai, Ba Đình, Tp Thanh Hóa, Thanh Hóa
- Điện thoại: 037. 3852463 Fax: 037. 3851 459
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)
- Đăng ký kinh doanh số: 2603000254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/03/2005, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/7/2008.
- Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng VINACONEX là: 184.410 cổ phần tương đương 61,47%, là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng VINACONEX. Tổng mức đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng VINACONEX là 2.028,51 triệu đồng.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX:



✚ Đại hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

✚ Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức và hoạt động theo quy chế do HĐQT công ty ban hành và được thực hiện các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

✚ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao. Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm soát công ty ban hành và được thực hiện các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

✚ Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm, chức năng, nhiệm vụ tuân thủ quy chế tổ chức hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty do HĐQT công ty ban hành.

✚ Các phòng ban chức năng khác:**- Phòng Tổ chức nhân sự:**

Phòng Tổ chức Nhân sự là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu cho ban Giám đốc Công ty thực hiện các công tác tổ chức - lao động tiền lương - nhân sự, đào tạo...

- Văn phòng công ty:

Văn phòng công ty là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu cho ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công tác Hành chính – Văn phòng và các công tác khác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty

- **Trung tâm thị trường và Quản lý dự án**

Trung tâm Thị trường và Quản lý dự án là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công tác về Thị trường, Quản lý dự án, Hợp đồng tư vấn, khoán nội bộ... đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo thực hiện đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng Công ty.

- **Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Phòng Tài chính - Thống kê - Kế hoạch là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công tác về kế toán, thống kê tài chính, thống kê kế hoạch, quản lý và sử dụng vốn... đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện đúng chế độ Kế toán thống kê tài chính hiện hành của Nhà nước và của Tổng Công ty.

- **Phòng Quản lý kỹ thuật và Nghiên cứu khoa học:**

Phòng Quản lý kỹ thuật & Nghiên cứu khoa học là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công tác kỹ thuật, quản lý chất lượng, công tác xây dựng, triển khai áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008 đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Pháp chế đối ngoại:**

Phòng Pháp chế - Đối ngoại là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công tác liên quan đến các vấn đề pháp lý của công ty; và công tác đối ngoại, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước... đảm bảo tính đúng đắn, phù hợp với pháp luật hiện hành của các hoạt động của Công ty, và mở rộng hợp tác để công ty ngày càng phát triển hơn.

- **Các văn phòng thiết kế:**

Văn phòng thiết kế là đơn vị sản xuất của Công ty có chức năng tư vấn thiết kế, giám sát xây dựng, tư vấn đấu thầu... các dự án các công trình Dân dụng - Công nghiệp, cấp thoát nước đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Các Công ty con:**

Các công ty con của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập.

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

i. Ông Nguyễn Duy Khang - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:

Ngày tháng năm sinh : 22/10/1953

Chỗ ở hiện nay : Số 71 BIS, Nguyễn Khang, Cầu Giấy, Hà Nội

Giấy CMND số : 012408009

Số cổ phần sở hữu : Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam 200.000 cổ phần; cá nhân 62.848 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan : không

Các khoản nợ tại Công ty : không

Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36;

+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng VINACONEX.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

✓ Từ 1977 – 1986 : Bộ đội - Binh đoàn 11;

✓ Từ 1986 – 1991 : Phó Giám đốc - Xí nghiệp xây lắp, cấp thoát nước 104 - Công ty xây dựng cấp thoát nước;

✓ Từ 1991 – 1997 : Phó Giám đốc Xí nghiệp khảo sát thiết kế - Công ty xây dựng CTN;

✓ Từ 1997 – 2001 : Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Xây dựng, CTN và MT;

✓ Từ 2001 – 2003 : Phó phòng Đầu tư - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;

✓ Từ 2003 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng VINACONEX;

✓ Từ 2008 – nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36 và Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng VINACONEX.

ii. Ông Đoàn Phong Châu - Thành viên HĐQT:

Ngày tháng năm sinh: 18/01/1958

Chỗ ở hiện nay : Nhà E8P, cụm E10 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
 Giấy CMND số : 012381706
 Số cổ phần sở hữu : Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 180.000 cổ phần; cá nhân: 700 cổ phần.

Số CP sở hữu của người liên quan : không

Các khoản nợ tại Công ty : không

Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VINAHUD;
- + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại VINACONEX VCTD;
- + Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế

Chức vụ : Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- ✓ 1978 – 1980 : Giảng viên trường Trung học Xây dựng số 2;
- ✓ 1981 – 1984 : Học tại trường Đại học Kiến trúc;
- ✓ 1984 – 1996 : Cán bộ quản lý dự án, Bộ Xây dựng;
- ✓ 1996 – 2000 : Phó Giám đốc Ban Quản lý xây dựng VINACONEX - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;
- ✓ 2000 – 2006 : Giám đốc Ban Quản lý VinaHud Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;
- ✓ 2007 – nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;

iii. Ông Nguyễn Thanh Phương - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Ngày tháng năm sinh : 24/5/1957

Chỗ ở hiện nay : 210, N4, ngõ 34 Vạn Bảo, Liễu Giai, Hà Nội

Giấy CMND số : 011426342

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 33.000 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan : 4000 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Lan (vợ) : nắm giữ 4.000 cổ phần.

Các khoản nợ tại Công ty : không
 Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không
 Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : không
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
 Chức vụ : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- ✓ 1983 - 2001: Kỹ sư, xưởng phó Công ty Tư vấn xây dựng, CNT và MT;
- ✓ 2002 - 2005: Xưởng phó, xưởng trưởng Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng VINACONEX;
- ✓ 2005 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

iv. Ông Đặng Trần Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Ngày tháng năm sinh : 20/4/1955

Chỗ ở hiện nay : Nhà 9 ngách 175/32 tổ 55, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Giấy CMND số : 011708130

Số cổ phần sở hữu : Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam 80.000 cổ phần; cá nhân 10.611 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan : không

Các khoản nợ tại Công ty : không

Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng VINACONEX.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cấp thoát nước

Chức vụ : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Quá trình công tác:

- ✓ 1975 - 1987: Trợ lý tham mưu - Binh đoàn 11;
- ✓ 1987 - 1992: Đội trưởng - Công ty Xây dựng cấp thoát nước;
- ✓ 1992 - 2001: Xưởng trưởng - Công ty Tư vấn Xây dựng, CTN và MT;
- ✓ 2002 - 2008: Xưởng trưởng, Giám đốc Trung tâm - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng VINACONEX;

- ✓ 2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

v. Ông Lê Thanh Việt Bách - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Ngày tháng năm sinh : 09/03/1977

Chỗ ở hiện nay : D042, CC Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đông Quan, Cầu Giấy, Hà Nội

Giấy CMND số : 012931151

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 7.671 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan : không

Các khoản nợ tại Công ty : không

Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : không

Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- ✓ 2003 : Kiến trúc sư Tổng Công ty Cổ phần XNK và XD Việt Nam;
- ✓ 2003 – 2008 : Xưởng trưởng, Giám đốc Văn phòng TVTK XD số 1 - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX;
- ✓ 2008 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

vi. Ông Trần Đăng Lợi - Trưởng ban kiểm soát:

Ngày tháng năm sinh: 04/03/1953

Chỗ ở hiện nay : 12 ngách 34A/5, khu 34 A Trần Phú, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội

Giấy CMND số : 011324178

Số cổ phần sở hữu: Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 100.000 cổ phần.

Số CP sở hữu của người liên quan : không

Các khoản nợ tại Công ty : không

Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

+ Giám đốc Ban Giám sát Kinh tế - Tài chính - Tổng VINACONEX

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- ✓ 1976 – 1978 : Công ty kiến trúc Xuân Hòa;
- ✓ 1978 – 1988 : Công ty Cổ phần Xây dựng số 2;
- ✓ 1989 – 1992 : Công ty Cổ phần Xây dựng số 7;
- ✓ 1992 – 1994 : Công ty Cổ phần Xây dựng số 10;
- ✓ 1994 – 1995 : Tổng Công ty VINACONEX;
- ✓ 1995 – 1997 : Công ty Cổ phần Xây dựng số 6;
- ✓ 1997 – 2002 : Công ty Cổ phần Cơ giới lắp máy và XD VINACONEX;
- ✓ 2002 – 2010 : Công ty Cổ phần Xây dựng số 2;
- ✓ 2010 – nay : Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

vii. Bà Đặng Vĩnh Hà - Thành viên Ban kiểm soát:

Ngày tháng năm sinh : 18/9/1962

Chỗ ở hiện nay : 68 Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ : 10.645 cổ phần

Giấy CMND số : 010596527

Số CP sở hữu của người liên quan : không

Các khoản nợ tại Công ty : không

Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : không

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cấp thoát nước

Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- ✓ 1986 – 2001 : Kỹ sư, Xưởng phó Công ty Tư vấn Xây dựng, Công trình ngầm và Môi trường;
- ✓ 2002 – nay : Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

viii. Bà Tô Thị Thu Trang - Thành viên Ban kiểm soát:

Ngày tháng năm sinh : 03/12/1981
 Chỗ ở hiện nay : Số 6B, ngõ 5 K5, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
 Giấy CMND số : 151380278
 Số cổ phần sở hữu : 980 cổ phần
 Số CP sở hữu của người liên quan : không
 Các khoản nợ tại Công ty : không
 Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không
 Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : không
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên phòng Tài chính - Kế hoạch

Quá trình công tác:

✓ 2004 – nay : Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VINACONEX.

ix. Ông Bùi Thế Hải - Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh : 10/02/1959
 Chỗ ở hiện nay : Số 2 cụm 3 tổ 8, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội
 Giấy CMND số : 012869391
 Số cổ phần sở hữu : sở hữu cá nhân 13.420 cổ phần
 Số CP sở hữu của người liên quan : không
 Các khoản nợ tại Công ty : không
 Quyền lợi, mâu thuẫn với Công ty : không
 Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác :
 + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36;
 + Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Tư vấn và Đầu tư xây dựng VINACONEX.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Chức vụ : Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- ✓ 1978 – 1982 : Bộ đội; nhân viên phòng tài vụ Trung Đoàn 40, quân đoàn 3
- ✓ 1982 – 1986 : Học tại trường Trung học Xây dựng số 1;
- ✓ 1986 – 1987 : Kế toán xí nghiệp cung ứng vật tư - Công ty Xây dựng cấp thoát nước;

- ✓ 1987 – 1989 : Phụ trách phòng kế toán- XN Xây dựng CTN 104- Công ty Xây dựng cấp thoát nước.
- ✓ 1989-1993 : Phó phòng Kế toán XN xây dựng CTN 104 – Công ty Xây dựng CTN
- ✓ 1993-1994 : Trưởng phòng Kế toán XN xây dựng CTN 104 – Công ty Xây dựng CTN
- ✓ 1994-1997 : Phó kế toán trưởng công ty Xây dựng cấp thoát nước
- ✓ 1997-2003 : Trưởng phòng kế toán công ty Tư vấn CTN và Môi Trường
- ✓ 2004 - 2010 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

3. Quyền lợi của HĐQT và BKS không trực tiếp làm việc tại công ty:

Năm 2010 công ty thực hiện mức chi trả thù lao như sau:

+ Tổng số : 89,856 triệu đồng

Năm 2011 dự kiến:

Tổng mức thù lao chi trả : 96,000 triệu đồng

+ Thành viên HĐQT không làm việc trực tiếp tại công ty:

Tiền thù lao tháng : 4,200 triệu đồng

Tiền thù lao năm : 50,400 triệu đồng

+ Trưởng BKS

Tiền thù lao tháng : 3,800 triệu đồng

Tiền thù lao năm : 45,600 triệu đồng

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

+ Tổng số lao động : 286 người

+ Tổng quỹ lương năm 2010 : 27.850,615 triệu đồng

+ Thu nhập bình quân người lao động 2010: 8,114 triệu đồng/người/tháng

5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

+ Năm 2010: Thành viên hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc không thay đổi.

+ Thành viên Ban kiểm soát thay đổi như sau: Ông Vũ Văn Mạnh thôi giữ chức Trưởng ban kiểm soát và rút khỏi Ban kiểm soát công ty. Bổ sung Ông Trần Đăng Lợi thay ông Vũ Văn Mạnh làm Trưởng Ban kiểm soát

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát/Ban giám đốc/Kế toán trưởng:

- Thành viên và cơ cấu

- a. *Hội đồng quản trị:*
- i. Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Duy Khang
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Đoàn Châu Phong
Ông Nguyễn Thanh Phương
Ông Đặng Trần Tuấn
Ông Lê Thanh Việt Bách
- b. *Ban Kiểm soát:*
- i. Trưởng Ban kiểm soát: Ông Trần Đăng Lợi
 - ii. Thành viên Ban kiểm soát: Bà Đặng Vĩnh Hà
Bà Tô Thị Thu Trang
- c. *Ban Giám đốc:*
- i. Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Duy Khang
 - ii. Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Thanh Phương
Ông Đặng Trần Tuấn
Ông Lê Thanh Việt Bách
- d. *Kế toán trưởng:*
- Kế toán trưởng: Ông Bùi Thế Hải

- Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- ✓ Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- ✓ Ban hành các Nghị quyết, quyết định và giám sát ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 và các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị.
- ✓ Thông qua chương trình, nội dung, nghị quyết trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2011
- ✓ Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

- Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ 06 tháng để kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trong quá trình quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cụ thể:

- ✓ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của công ty.
- ✓ Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- ✓ Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- ✓ Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các văn bản pháp luật có liên quan.
- ✓ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập: Kiểm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính.

- Số cổ phần sở hữu của thành viên HĐQT

i. Ông Nguyễn Duy Khang - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:

Số cổ phần sở hữu: Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 200.000 cổ phần; cá nhân: 62.848 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan: không

ii. Ông Đoàn Phong Châu - Thành viên HĐQT:

Số cổ phần sở hữu: Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 180.000 cổ phần; cá nhân: 700 cổ phần.

Số CP sở hữu của người liên quan: không

iii. Ông Nguyễn Thanh Phương - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 33.000 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan: 4000 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Lan (vợ): nắm giữ 4.000 cổ phần.

iv. Ông Đặng Trần Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Số cổ phần sở hữu: Đại diện vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 80.000 cổ phần; cá nhân: 10.611 cổ phần

v. Ông Lê Thanh Việt Bách - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.671 cổ phần

Số CP sở hữu của người liên quan: không

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

a. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty được phân loại như sau:

(tại thời điểm 20/01/2011)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Trong nước:	1.100.000	100
1	Tổ chức	561.000	51,00
2	Cá nhân	539.000	49,00
II	Nước ngoài:	0	0
1	Tổ chức	0	0
2	Cá nhân	0	0
TỔNG CỘNG		1.100.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/01/2011)

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0103014768	561.000	51,00%
2	Nguyễn Duy Khang	71 Bis, Nguyễn Khang, Cầu Giấy, Hà Nội	012408009	62.848	5,71%

b.. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	561.000	51,00%
2	Nguyễn Duy Khang	62.848	5,71%
3	Bạch Văn Cường	6.660	0,61%
4	86 cổ đông còn lại	200.402	18,22%

Hà nội, ngày 10 tháng 04 năm 2011

Nơi nhận:

- Ủy Ban CKNN
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội
- Lưu ĐNPC, Ban kiểm soát



Nguyễn Duy Khang

Phụ lục 1
Báo cáo tài chính năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9 Phường Thanh Xuân Bắc - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 04 22 147 560

Fax: 04 33 540 600

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 04

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

05 - 06

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

07 - 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex, tên giao dịch là VINACONEX'S CONSTRUCTION CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt Vinaconsult JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009 thì:

- Vốn điều lệ: **11.000.000.000 VND** (Mười một tỷ đồng Việt Nam);
- Cổ phần phát hành: 1.100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam <i>Đại diện:</i> Ông Đoàn Châu Phong Ông Nguyễn Duy Khang Ông Đặng Trần Tuấn Ông Trần Đăng Lợi Theo Quyết định số 129/2010/QĐ-PTNL ngày 15/03/2010 của Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	561.000
2	Nguyễn Duy Khang	Số 18, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	62.848
3	Bạch Văn Cường	81 phố Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.660
4	86 cổ đông còn lại		200.402

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;
- Tư vấn đấu thầu: lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải;
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Nhà D9 Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 22 147 560

Fax: 04 35 540 600

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|---------------------------|----------|
| • Ông Nguyễn Duy Khang | Chủ tịch |
| • Ông Đoàn Châu Phong | Ủy viên |
| • Ông Nguyễn Thanh Phương | Ủy viên |
| • Ông Đặng Trần Tuấn | Ủy viên |
| • Ông Lê Thanh Việt Bách | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|---------------------------|----------------|
| • Ông Nguyễn Duy Khang | Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Thanh Phương | Phó Giám đốc |
| • Ông Đặng Trần Tuấn | Phó Giám đốc |
| • Ông Lê Thanh Việt Bách | Phó Giám đốc |
| • Ông Bùi Thế Hải | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

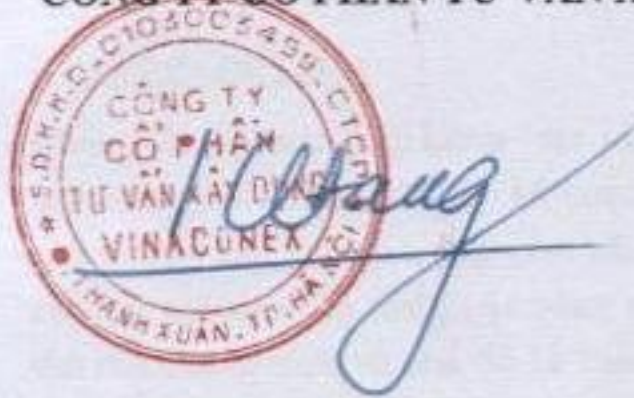
- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX



Nguyễn Duy Khang

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số 57 -11 /BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010
của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 35 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh Phần IV của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex cho năm tài chính 2010:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex giữ 09 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0946/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		43.940.964.280	47.898.670.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.514.666.730	7.715.397.123
1. Tiền	111		2.514.666.730	7.715.397.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	1.000.000.000	1.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.576.639.747	33.349.891.504
1. Phải thu của khách hàng	131	VII.2.1	29.480.325.980	30.220.481.435
2. Trả trước cho người bán	132	VII.2.2	2.448.426.781	2.322.464.420
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	948.959.349	806.945.649
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(301.072.363)	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.536.145.678	4.855.153.308
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3.536.145.678	4.855.153.308
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		313.512.125	278.228.335
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	155.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	159	VII.2.3	313.512.125	123.228.335
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		34.020.799.803	9.863.460.623
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		296.866.598	695.316.611
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VII.2.5	1.165.234.334	1.234.904.780
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(868.367.736)	(539.588.169)
II. Tài sản cố định	220		27.464.723.771	3.789.433.843
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	3.420.287.292	3.789.433.843
- Nguyên giá	222		7.473.671.026	7.211.300.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.053.383.734)	(3.421.866.313)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	231	V.06	24.044.436.479	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.656.510.000	4.476.510.000
1. Đầu tư vào Công ty con	251	VII.2.4	4.656.510.000	4.476.510.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	1.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		602.699.434	902.200.169
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	602.699.434	902.200.169
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		77.961.764.083	57.762.130.893

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		59.573.390.823	41.720.967.058
I. Nợ ngắn hạn	310		48.389.352.266	41.119.376.149
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	4.200.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	VII.2.6	19.253.622.777	16.246.216.533
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.2.7	4.763.220.356	6.573.871.173
4. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	314	V.10	1.856.714.501	4.066.034.521
5. Phải trả người lao động	315		16.980.915.278	12.912.112.639
6. Chi phí phải trả	316	V.11	107.349.040	296.779.156
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.101.603.279	1.057.991.598
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		125.927.035	(33.629.471)
II. Nợ dài hạn	330		11.184.038.557	601.590.909
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	10.600.000.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		41.538.557	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		542.500.000	601.590.909
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		18.388.373.260	16.041.163.835
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	18.388.373.260	16.041.163.835
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.624.190.000	1.624.190.000
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		47.439.819	23.364.632
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.631.137.180	1.027.731.750
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		235.088.607	75.592.700
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.850.517.654	2.290.284.753
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		77.961.764.083	57.762.130.893

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2010	NĂM 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	60.895.948.402	65.592.108.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	659.233.297	131.220.895
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17	60.236.715.105	65.460.888.070
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	46.703.132.492	51.552.812.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.533.582.613	13.908.075.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	1.153.423.122	622.614.361
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	95.661.838	263.888
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		95.661.838	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.8	9.194.248.008	10.494.686.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		5.397.095.889	4.035.739.285
11. Thu nhập khác	31	VII.2.9	355.413.346	73.637.775
12. Chi phí khác	32	VII.2.10	822.820.065	22.870.389
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(467.406.719)	50.767.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.929.689.170	4.086.506.671
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	1.079.638.118	690.552.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	6.035.683
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.850.051.052	3.389.918.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22	3.500	3.082

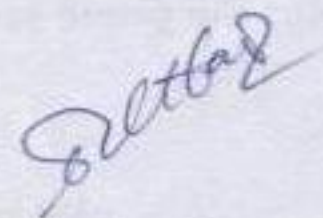
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2010	NĂM 2009
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		4.929.689.170	4.086.506.671
2.	Điều chỉnh cho các khoản			(806.743.511)	191.852.879
	- Khấu hao TSCĐ	02		631.517.421	483.818.343
	- Các khoản dự phòng	03		(629.851.930)	305.514.478
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(904.070.840)	(597.479.942)
	- Chi phí đi vay	06		95.661.838	-
3.	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.122.945.659	4.278.359.550
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		171.566.050	(13.734.654.560)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.319.007.630	2.717.247.862
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.813.334.250	15.232.919.547
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		454.500.735	(740.792.951)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(95.661.838)	-
	- Thuế TNDN đã nộp	14		(1.250.488.503)	(106.942.163)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		39.962.314	-
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(381.600.000)	(291.216.709)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.193.566.297	7.354.920.576
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(24.306.807.349)	(2.614.747.917)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		-	66.209.736
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.500.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		700.000.000	5.000.000.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		904.070.840	553.773.993
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.702.736.509)	(2.494.764.188)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		14.800.000.000	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(539.000.000)	(1.164.146.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.261.000.000	(1.164.146.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.248.170.212)	3.696.010.388
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.715.397.123	3.996.022.103
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.439.819	23.364.632
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.I	6.514.666.730	7.715.397.123

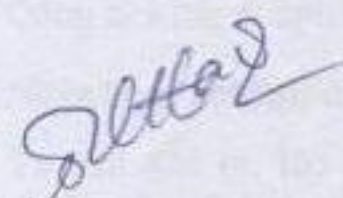
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Phạm Thị Phương Hoa


Bùi Thế Hải


Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex, tên giao dịch là Vinaconex's Construction Consultant Joint Stock Company, tên viết tắt Vinaconsult JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009 thì:

- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 VND (Mười một tỷ đồng Việt Nam);
- Cổ phần phát hành: 1.100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam <i>Đại diện:</i> Ông Đoàn Châu Phong Ông Nguyễn Duy Khang Ông Đặng Trần Tuấn Ông Trần Đăng Lợi Theo Quyết định số 129/2010/QĐ-PTNL ngày 15/03/2010 của Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	561.000
2	Nguyễn Duy Khang	Số 18, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	62.848
3	Bạch Văn Cường	81 phố Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.660
4	86 cổ đông còn lại		200.402

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Công ty kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

- Tư vấn đầu thầu: lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải;
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Nhà D9 phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 22 147 560

Fax: 04 35 540 600

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 4
Phương tiện vận tải	6-10

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36 vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty không tiến hành trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, bao gồm các loại chi phí: ISO, công cụ dụng cụ và lợi thế thương mại. Có thời hạn phân bổ từ 12 tháng cho đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước tiền nhà, tiền điện nước được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, các chi phí thực tế phát sinh trong các tháng trước.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành thực tế và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định và doanh thu từ lãi tiền gửi :

- Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Riêng doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà thầu nước ngoài được ghi nhận căn cứ vào số tiền nhà thầu thanh toán theo điều khoản trên hợp đồng cung cấp dịch vụ và phát hành hóa đơn bán hàng với số doanh thu ghi nhận trong kỳ là 28.036.511.452 VND.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2. Ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản đầu tư mua tầng 6 Tòa nhà 25T2 của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để làm trụ sở văn phòng Công ty.

11.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.4. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Thuế suất thuế GTGT áp dụng như sau:

- Thuế suất nghiên cứu báo cáo khả thi, tư vấn, thẩm định, khảo sát, thiết kế dự án là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

202
ÔN
H NH
TOÁN
VIỆ
15/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	335.280.042	406.815.973
Tiền VND	146.178.542	53.378.273
Tiền USD	189.101.500	353.437.700
Tiền gửi ngân hàng	2.179.386.688	7.308.581.150
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	376.651.235	139.135.590
VND	175.548.616	130.728.938
USD	5.617.484	5.361.668
EUR	195.485.135	3.044.984
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	1.047.385.878	7.169.445.560
VND	163.611.050	1.901.874.667
USD	883.774.828	5.267.570.893
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	755.349.575	-
VND	357.586.625	-
USD	397.762.950	-
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Tây	4.000.000.000	-
Tổng cộng	6.514.666.730	7.715.397.123

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11	1.000.000.000	1.700.000.000
Tổng cộng	1.000.000.000	1.700.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu BHXH	44.458.058	47.394.644
Thuế thu nhập cá nhân	109.386.166	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	4.963.557	538.749.830
Công ty CP Vinaconex 11 - Hải Dương	156.000.000	19.875.000
Xưởng cấp thoát nước số 1	243.078.619	95.000.000
Xưởng cấp thoát nước số 2	1.162.099	1.162.099

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010***(tiếp theo)*

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	-	10.367.666
Công ty Vinaconex 18-Thanh Hoá	-	92.205.000
Phải thu khác	389.910.850	2.191.410
Tổng cộng	948.959.349	806.945.649
4. Hàng tồn kho		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	11.156.088	20.689.811
Công cụ, dụng cụ	2.320.000	2.320.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.522.669.590	4.832.143.497
Tổng cộng	3.536.145.678	4.855.153.308

Y
U
H
NH
G
M
P

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
- Số dư ngày 01/01/2010	3.722.972.229	1.084.021.445	2.404.306.482	7.211.300.156
- Mua trong năm	-	262.370.870	-	262.370.870
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm TSCĐ	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2010	3.722.972.229	1.346.392.315	2.404.306.482	7.473.671.026
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Số dư ngày 01/01/2010	1.720.500.411	605.801.955	1.095.563.947	3.421.866.313
- Khấu hao trong năm	163.596.256	228.242.481	239.678.684	631.517.421
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2010	1.884.096.667	834.044.436	1.335.242.631	4.053.383.734
Giá trị còn lại				
- Tại ngày 01/01/2010	2.002.471.818	478.219.490	1.308.742.535	3.789.433.843
- Tại ngày 31/12/2010	1.838.875.562	512.347.879	1.069.063.851	3.420.287.292

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 858.612.874 VND
 Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 34.967.086 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
Tầng 6 Tòa nhà chung cư 25T2	24.044.436.479	-		
Tổng cộng	24.044.436.479	-		
7. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex	1.000.000.000	-		
Tổng cộng	1.000.000.000	-		
8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	602.699.434	902.200.169		
Tổng cộng	602.699.434	902.200.169		
9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.200.000.000</i>	<i>-</i>		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	4.200.000.000	-		
Tổng cộng	4.200.000.000	-		
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2010
Thuế GTGT	3.158.424.694	6.102.146.467	8.093.921.794	1.166.649.367
Thuế TNDN	701.687.921	1.079.638.118	1.250.488.503	530.837.536
Thuế TNCN	205.921.906	889.434.219	936.128.527	159.227.598
Các loại thuế khác	-	162.650.998	162.650.998	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.066.034.521			1.856.714.501

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	107.349.040	296.779.156
Tổng cộng	107.349.040	296.779.156

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	250.698.165	266.824.784
BHXH phải nộp	6.282.774	5.857.184
BHYT phải nộp	125.744	-
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	585.573.000	637.984.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	258.923.596	147.325.630
Tổng cộng	1.101.603.279	1.057.991.598

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	10.600.000.000	-
Tổng cộng	10.600.000.000	-

- Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 13/10/2010 đến 13/10/2015 với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ tối thiểu 3,6%/năm. Riêng kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 15,5%/năm.

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.610.000.000	5.610.000.000
Các đối tượng khác	5.390.000.000	5.390.000.000
Tổng cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2009	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	2.290.284.753	14.937.839.385
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong các năm trước	-	-	-	3.389.918.151	3.389.918.151
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(3.389.918.151)	(3.389.918.151)
Số dư ngày 31/12/2009	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	2.290.284.753	14.937.839.385
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.850.051.052	3.850.051.052
Tăng khác	-	-	296.792.101	-	296.792.101
Giảm khác	-	-	(272.716.914)	(2.289.818.151)	(2.562.535.065)
Số dư ngày 31/12/2010	11.000.000.000	1.624.190.000	47.439.819	3.850.517.654	16.522.147.473

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp đầu năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.650.000.000	1.971.787.000

14.4 Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.100.000	1.100.000
Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

14.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2010
Quỹ đầu tư phát triển	1.027.731.750	603.405.430	-	1.631.137.180
Quỹ dự phòng tài chính	75.592.700	169.495.907	10.000.000	235.088.607
Tổng cộng	1.103.324.450	772.901.337	10.000.000	1.866.225.787

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát và thiết kế	60.895.948.402	65.592.108.965
Tổng cộng	60.895.948.402	65.592.108.965

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giảm giá dịch vụ	659.233.297	131.220.895
Tổng cộng	659.233.297	131.220.895

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát và thiết kế	60.236.715.105	65.460.888.070
Tổng cộng	60.236.715.105	65.460.888.070
18. Giá vốn hàng bán	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn dịch vụ thiết kế, tư vấn và giám sát	46.703.132.492	51.552.812.500
Tổng cộng	46.703.132.492	51.552.812.500
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	464.255.840	530.409.361
Cổ tức lợi nhuận được chia	439.815.000	92.205.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.352.282	-
Tổng cộng	1.153.423.122	622.614.361
20. Chi phí tài chính	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí đi vay	95.661.838	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	263.888
Tổng cộng	95.661.838	263.888
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	61.305.736.573	66.064.935.206
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	57.386.934.724	62.118.918.996
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.918.801.849	3.946.016.210
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	979.700.462	986.504.053
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	99.937.656	(295.951.216)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.079.638.118	690.552.837

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.711.166.487
Chi phí nhân công	29.604.647.672
Chi phí công cụ dụng cụ	970.184.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	631.021.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.429.042.715
Chi phí khác bằng tiền	7.007.660.967
Tổng cộng	51.353.723.566

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	2.009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.850.051.052	3.389.918.151
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.850.051.052	3.389.918.151
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.500	3.082

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2010 VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36 qua bù trừ công nợ	180.000.000

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu		9.506.355.737	19.739.921.049
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.988.499.324	3.776.180.909
Công ty Cổ phần xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	10.385.000	141.256.998
Công ty Cổ phần xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	95.533.636	600.383.635

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	35.227.273	2.084.754.545
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	536.106.073
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	2.183.800.908	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Đơn vị cùng Tổng	1.239.750.655	1.745.744.068
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Vinaconex Thanh Hóa	Đơn vị cùng Tổng	18.181.818	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	2.877.142.831	8.020.707.479
BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	45.770.656	-
BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	12.063.636	2.471.548.418
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	363.238.924
Giá vốn		7.206.724.885	15.523.695.190
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.204.362.688	2.945.136.771
Công ty Cổ phần xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	7.840.675	107.254.420
Công ty Cổ phần xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	73.083.231	455.083.720
Công ty Cổ phần xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	26.831.439	1.577.464.272
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	415.627.613
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	1.670.607.694	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Đơn vị cùng Tổng	944.125.482	1.031.063.334
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Vinaconex Thanh Hóa	Đơn vị cùng Tổng	13.909.091	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	2.221.523.517	6.834.761.873
BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	35.212.387	-
BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	9.228.681	2.157.303.187
Mua hàng		26.618.069.038	277.345.614
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	277.345.614
Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	681.818.182	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	Công ty con	2.053.387.221	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaconex 18	Công ty con	1.001.604.733	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	22.881.258.902	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

1.2. Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu		9.621.233.951	15.915.274.547
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		9.347.754.451	14.809.272.381
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.227.235.266	2.865.241.000
Công ty cổ phần xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	169.141.405	204.304.405
Công ty cổ phần xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	833.980.000	2.293.230.000
Công ty cổ phần Vinaconex 6	Đơn vị cùng Tổng	729.339.000	729.339.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	595.908.101
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà và dịch vụ đô thị	Đơn vị cùng Tổng	-	49.467.000
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng HTCN Sông Đà Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	-	1.694.377.460
Ban quản lý dự án Đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	-	497.249.875
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	63.613.800	63.613.800
Ban quản lý Dự án Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	119.439.514
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	1.734.520.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Đơn vị cùng Tổng	425.066.198	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	3.164.858.532	5.697.102.226
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>		117.479.500	117.479.500
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	6.996.000	6.996.000
Công ty xây dựng số 4	Đơn vị cùng Tổng	60.000.000	60.000.000
Công ty cổ phần xây dựng số 17	Đơn vị cùng Tổng	50.483.500	50.483.500
<i>Trả trước cho người bán</i>		-	866.075.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	Công ty con	-	866.075.000
<i>Phải thu khác</i>		156.000.000	122.447.666
Công ty cổ phần xây dựng số 11	Đơn vị cùng Tổng	156.000.000	19.875.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaconex 18	Công ty con	-	92.205.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	Công ty con	-	10.367.666

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Các khoản phải trả		2.543.117.010	4.227.937.460
Phải trả nội bộ		585.573.000	637.984.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	585.573.000	637.984.000
Phải trả người bán		978.772.005	2.772.997.760
Công ty cổ phần xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	196.745.445	34.929.140
Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	782.026.560	782.026.560
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaconex 18	Công ty con	-	457.418.303
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	Công ty con	-	1.498.623.757
Người mua trả tiền trước		945.142.383	3.137.681.890
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	237.476.442	1.870.688.742
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Ban quản lý HTCN khu Dung quất GD2	Công ty mẹ	565.931.000	565.931.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Đơn vị cùng Tổng	33.401.398	33.401.398
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	-	667.660.750
Công ty cổ phần xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	79.066.543	-
BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	29.267.000	-
Doanh thu chưa thực hiện		465.227.273	465.227.273
Công ty cổ phần xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	465.227.273	465.227.273

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
BQLDA cấp nước Lào Cai-Lào Cai	28.655.600	-
Cục Thuế Thanh Hoá-Thanh Hoá	564.028.473	831.932.231
Tổng công ty VINACONEX-Hà Nội	2.227.235.266	2.657.099.500
Công ty cấp nước Hà Giang-Hà Giang	5.930.971	79.509.500
Công ty Cấp nước Phú thọ-Phú Thọ	9.801.000	9.801.000
Công ty Cấp nước Hưng Yên-Hưng Yên	43.728.700	43.728.700
Ban quản lý các KCN Hà Tĩnh-Hà Tĩnh	272.262.669	158.247.669
Ban QLDA JBIC huyện Như Thanh-Thanh Hoá	84.345.673	84.345.673
Ban QLDA JBIC huyện Thọ Xuân-Thanh Hoá	-	96.129.625
Ban QLDA JBIC huyện Thường Xuân-Thanh Hoá	23.794.106	23.794.106

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Ban qui hoạch xây dựng thành phố Thanh Hoá-Thanh hoá	438	101.488.000
UBND huyện Hải Hà-Quảng Ninh	149.485.000	123.638.649
BQL Khu CN Nghi Sơn-Nghi sơn - Thanh hoá	152.498.339	510.646.718
BQL các dự án đầu tư Hoà Lạc-Hà Nội	497.249.875	497.249.875
BQL thực hiện DADTXD huyện Vị Xuyên-Hà Giang	23.449.299	23.449.299
BQLDA Quận Hoàn Kiếm-Hà Nội	254.189.130	262.587.130
BQLDA huyện Vĩnh Bảo-Hải Phòng	3.217.000	3.217.000
BQLDA CT huyện Tiên Lãng-Hải Phòng	256.745.000	256.745.000
UBND huyện Hà Trung-Thanh Hoá	308.686.950	323.290.730
Công ty XD số 1 VINACONEX-Hà Nội	500	-
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam-Hà Nội	7.412.320	7.412.320
Ban quản lý dự án Tòa Chùa-Điện Biên	49.336.319	49.336.319
Ban quản lý dự án Cái Giá nay là Công ty Vinaconex-ITC-Hà Nội	425.066.198	-
BQLDA VINAHUD-Hà Nội	-	208.141.500
Ban QLDA chuyên ngành XD CNĐ Hưng Yên-Hung Yên	7.064.000	7.064.000
Ban quản lý ĐTXD CB Tỉnh Thanh Hoá-Thanh Hoá	520.026.615	520.026.615
UBND huyện Hậu Lộc-Thanh Hoá	149.882.729	149.882.729
Công ty CP XD số 6 - Vinaconex6-Hà Nội	729.339.000	729.339.000
Công ty CP XD số 2 - VINACONEX 2-Hà Nội	169.141.405	204.304.405
Công ty CP XD số 3 - VINACONEX 3-Hà Nội	833.980.000	2.293.230.000
UBND huyện Phú Lương-Thái Nguyên	18.261.000	18.261.000
Ban QLDA công trình huyện Bình Liêu-Quảng Ninh	19.970.001	19.970.001
BQL DA hạ tầng Tà nạc-Lạc Long Quân - Tây Hồ - HN	916.555.873	652.686.680
UBND huyện Hoàng Su Phi-Hà Giang	59.670.000	199.670.000
BQL ĐT XD tỉnh Thừa Thiên Huế-Thừa Thiên - Huế	-	23.732.000
Ban QLDA cấp nước Đà Nẵng-Đà Nẵng	175.163.000	175.163.000
Huyện ủy Hà Trung-Thanh Hóa	25.245.900	25.245.900
BQL nước Sông Đà-Hà Nội	9.392.385	1.694.377.460
Công ty CP xi măng Yên Bình-Yên Bái	-	595.908.101
BQLDA công trình huyện Đầm Hà-Quảng Ninh	130.695.548	130.695.548
Công ty Xây dựng số 9-Hà Nội	1.734.520.250	-
Công ty xây dựng số 4-Hà nội	42.800.000	42.800.000
Tổng công ty VIWASEEN-Hà Nội	537.754.050	24.520.000
Bệnh viện phụ sản Nam Định-Nam Định	-	43.914.030
UBND huyện Thiệu Hóa-Thanh Hóa	251.675.976	251.675.976
Công ty kinh doanh nước sạch Hà Nội-Hà Nội	64.111.000	64.111.000
BQLDA xi măng Cẩm Phả-Quảng Ninh	-	119.439.514
BQL DA Đầu tư Xây dựng thị xã Bim Sơn	1.928.900.000	-
BQLDA huyện Đông Sơn-Thanh Hoá	198.384.467	198.384.467

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Viện NCTK xi măng HEFEI	101.551.800	101.551.800
Cục Hậu cần Cảnh sát-Hà Nội	1.641.000	1.641.000
BQLDA huyện Buôn Đôn-Đắc Lắc	-	6.944.000
BQLDA huyện Hạ Hoà-Phú Thọ	38.567.143	38.567.143
UBND huyện Yên Định-Thanh Hoá	405.318.241	308.218.241
UBND huyện Vĩnh Tường-Vĩnh Phúc	100.826.500	100.826.500
Trại giam số 3- Cục V26 Bộ công an	42.017.956	42.017.956
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lạng Sơn-Thị Xã Lạng Sơn	18.193.000	68.193.000
Xi Nghiệp XLĐN - Công ty TNHH MTV Nghệ An	125.132.000	125.132.000
BQL DA Công ty TNHH MTV cấp nước Quảng Trị - Đông hà	149.409.900	358.679.718
Công ty TNHH Vina - Sanwa-Hà Tây	-	196.367.325
Thanh tra tỉnh Thái Bình-Thái Bình	37.015.000	37.015.000
BQL dự án - Ngân hàng NN& PT NT Cầu giấy-Cầu giấy - Hà nội	36.394.000	36.394.000
Trung tâm nước sạch và VSMTNT Hải Dương	19.246.000	19.246.000
Ngân hàng ngoại thương chi nhánh Bắc Ninh-Bắc Ninh	224.753.400	360.580.500
BQL khách sạn Sầm sơn- TCông ty VINACONEX-Hà nội	63.613.800	63.613.800
Công ty THHH dệt kim đông xuân Hà nội-Hà nội	12.250.000	12.250.000
Viện Phim Việt nam-523 Kim Mã - Quận ba đình Hà nội	241.490.766	76.936.366
BQL dự án Chợ mơ-Công ty CPPTTM Vinaconex-Hà nội	3.164.858.532	5.697.102.226
Công ty cổ phần đầu tư PT đô thị VINACONEX-Hà nội	-	49.467.000
Công ty LD TNHH phát triển khu đô thị mới An Khánh-Tầng 21 thá)	317.000.000	-
Công ty DCM STUDIO Hongcong	236.376.875	-
Công an quận Long biên-Quận Long biên TP Hà nội	129.243.000	328.733.000
NH ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên-Yên Mỹ - Hưng	205.840.000	-
Dongil Architects and Engineers-Hàn Quốc	-	6.217.991.664
Ban giải toà đền bù các DA ĐTXD Đà nẵng-Đà nẵng	18.004.718	18.004.718
Công ty CP Chợ Bưởi-Hà Nội	-	87.092.916
Trại giam Thanh Xuân-HN	-	44.900.100
Trại giam Đồng sơn Cục V26 BCA-Quảng Bình	-	20.930.557
Trại giam số 6 Nghệ an Cục V26 BCA-Nghệ An	677	41.780.677
Trại giam Tân lập Phú thọ Cục V26 BCA-Phú Thọ	-	68.642.258
Công ty cấp nước Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	1.819.482.000	32.669.000
BQL dự án Thái Hà Tổng công ty Sông Hồng-Hà Nội	4.400.000.000	-
BQL dự án nguồn vốn ngân sách cấp-Cầu giấy Hà Nội	911.061.000	911.061.000
Công ty CP Bia và nước giải khát Việt Hà-Bắc Ninh	15.524.000	-
Công ty TNHH Young One Nam Định-Nam định	711.288.900	-
Công ty CP thủy điện Cửa Đạt-Thường xuân Thanh hoá	14.853.700	-
BQL dự án khu đô thị Mỗ lao-Q Hà Đông Hà Nội	500.899.000	-
BQL DA Đầu tư và XD Quận Hà Đông - Hà Nội	337.885.047	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Cục V26 bộ công an (Tổng cục VIII)-Hà Nội	47.153.000	-
Công ty CP đầu tư xây dựng Gia lâm-Long biên Hà Nội	154.992.000	-
Công ty TNHH TK Toàn Cầu R-Cầu Giấy - HN	740.810.000	-
UBND xã Tiêu Động	16.241.000	-
UBND Huyện Nga Sơn- Thanh Hoá-Thị trấn Nga Sơn	211.740.000	211.740.000
Tổng cộng	29.480.325.980	30.220.481.435

2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Điện lực Ba Đình	-	80.790
Vũ Khánh Thuận	7.700.000	7.700.000
Văn phòng tư vấn thiết kế Cấp thoát nước số 2	290.000.000	109.792.092
Văn phòng tư vấn thiết kế Cấp thoát nước số 1	110.915.000	105.000.000
Văn phòng tư vấn thiết kế xây dựng số 1	343.710.843	343.710.843
Văn phòng tư vấn thiết kế xây dựng số 3	-	100.000.000
Đình Thanh Nga	13.001.000	13.001.000
Nguyễn Bá Phước - Đội khảo sát đo đạc	137.950.285	130.000.000
Văn phòng tư vấn thiết kế xây dựng số 2	269.000.909	505.366.888
Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam	100.000.000	100.000.000
Công ty Viễn thông Viettel	1.615.528	787.807
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Vinaconex	426.000.000	866.075.000
Công ty CP Tư vấn Nam Trường Phát	40.950.000	40.950.000
Phạm Minh Chính	48.400.000	-
Công ty TNHH Thiên Năng	21.360.800	-
Công ty TNHH MTV in tài chính	4.400.000	-
Công ty Du lịch khoáng xanh Suối tiên	35.000.000	-
Tổ Thiết kế nội thất cánh quan khu Đô thị mới Bắc An Khánh	589.667.911	-
Bưu điện Thành phố Hà Nội	8.754.505	-
Tổng cộng	2.448.426.781	2.322.464.420

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	123.851.125	123.228.335
Trần Huy Dân	12.575.540	12.874.540
Đặng Trần Tuấn	5.156.176	30.058.681
Phạm Huy Thông	2.989.421	45.984.214
Phạm Quang Hải	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Văn Cầu	2.000.000	2.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Trịnh Việt Dũng	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Duy Khang	10.000.000	10.000.000
Lê Thị Hương	5.000.000	488.900
Chu Văn Sơn	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Đức Doanh	-	1.322.000
Nguyễn Đức Cường	-	14.500.000
Trần Thị Thùy Dung	10.000.000	-
Đỗ Đăng Tá	16.000.000	-
Nguyễn Hương Giang	9.129.988	-
Phan Ngọc Thanh	2.000.000	-
Lê Thanh Việt Bách	13.000.000	-
Từ Xuân Minh	30.000.000	-
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>189.661.000</i>	-
Bảo lãnh ngân hàng	189.661.000	-
Tổng cộng	313.512.125	123.228.335
2.4 Đầu tư vào Công ty con		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaconex 18	2.028.510.000	2.028.510.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36	2.628.000.000	2.448.000.000
Tổng cộng	4.656.510.000	4.476.510.000
2.5 Phải thu dài hạn khách hàng		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng	6.996.000	6.996.000
XN thủy nông Diêm Điền-Thái Bình	34.992.689	34.992.689
UB thị trấn Đại Từ-Thái Nguyên	22.051.000	22.051.000
BQLDA huyện Bắc Quang-Hà Giang	89.650.826	89.650.826
UBND Huyện Bắc Mê-Hà Giang	70.860.167	70.860.167
BQLDAHT - Khu kinh tế Chân Mây-Thừa Thiên- Huế	15.977.000	15.977.000
BQLDA Huyện Lương Tài-Bắc Ninh	19.689.036	19.689.036
BQLDA phát triển Vĩnh Long-Vĩnh Long	2.695.000	2.695.000
Công ty XD số 4 VINACONEX-TP Hồ Chí Minh	60.000.000	60.000.000
Công ty Cấp nước Hưng Yên-Hưng Yên	149.898.800	149.898.800
BQLDA khu TM Lao Bảo-Quảng Trị	16.000.000	16.000.000
Công ty MT & CT đô thị-Thừa Thiên Huế	-	17.834.534
Tổng Công ty XD Miền Trung-Đà Nẵng	10.580.000	10.580.000
BQLDA huyện Tiên Yên-Quảng Ninh	56.998.967	56.998.967

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010***(tiếp theo)*

Ban quản lý các KCN Hà Tĩnh-Hà Tĩnh	40.000.000	40.000.000
Ban DA 98 - BQP-Hà Nội	23.821.000	23.821.000
Sở VHTT Hưng Yên-Hưng Yên	-	11.186.912
Hải quan Nghệ An-Nghệ An	33.214.798	33.214.798
BQLDA huyện Vĩnh Bảo-Hải Phòng	5.882.002	5.882.002
BQLDA CT huyện Tiên Lãng-Hải Phòng	131.840.000	131.840.000
UBND huyện Hà Trung-Thanh Hoá	43.125.780	43.125.780
Tinh Đoàn Thừa Thiên- Huế-Thừa Thiên- Huế	7.764.813	48.413.813
Công ty XD số 17 VINACONEX-Khánh Hoà	50.483.500	50.483.500
Phòng XD thị xã Móng Cái-Quảng Ninh	30.153.000	30.153.000
BQLDA CưM'Gar-Đắc Lắc	31.983.000	31.983.000
UBND thị trấn Bình Mỹ-Hà Nam	42.602.638	42.602.638
Học viện CSND-Hà Nội	4.009.000	4.009.000
BQLDA huyện Gia Lâm-Hà Nội	10.775.365	10.775.365
UBND xã Bồ Đề-Hà Nam	63.227.000	63.227.000
Đài truyền hình Ninh Bình-Ninh Bình	41.788.000	41.788.000
BQLDA y tế nông thôn Bình Phước-Bình Phước	4.652.049	4.652.049
Công ty TNHH NN một TV cấp thoát nước Bắc Kạn-Bắc Kạn	3.229.904	3.229.904
Huyện uỷ Đăksong-Đắc Lắc	23.800.000	23.800.000
Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lạng sơn-Thị Xã Lê	16.493.000	16.493.000
Tổng cộng	1.165.234.334	1.234.904.780

2.6 Phải trả người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lê Văn Suất	22.585.431	22.585.431
Văn phòng tư vấn thiết kế Cấp thoát nước số 1	1.424.239.936	1.033.267.800
Văn phòng tư vấn thiết kế Cấp thoát nước số 2	2.217.041.365	1.343.110.392
Văn phòng thiết kế xây dựng số 3	3.084.577.330	1.127.060.305
Công ty Thăng Long - Bộ Công an	8.000.000	8.000.000
Đình Văn Duy - Viện Khoa học Thủy lợi	3.200.000	3.200.000
Công ty CP FORMACH - Hà Nội	56.566.703	56.566.703
Văn phòng thiết kế xây dựng số 1	2.429.694.318	2.959.414.652
Công ty CP JEANDESJOYAUX	11.327.000	11.327.000
Nguyễn Bá Phước - Đội KDSX	1.297.731.509	1.368.410.327
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Thăng Long	268.704.040	70.490.416
Văn phòng thiết kế xây dựng số 2	2.625.979.845	2.768.576.779
Viện Quy hoạch Hải Phòng	900.000	900.000
Tổ thiết kế nội thất và cảnh quan DA Bắc An Khánh	584.175.807	177.722.494
Văn phòng tư vấn thiết kế Cấp thoát nước số 3	952.157.691	1.258.465.075

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	782.026.560	782.026.560
Trung tâm thiết bị VPP Hồng Hà	6.386.000	6.386.000
Công ty CP Xây dựng Vinaconex số 1	196.745.445	34.929.140
Nguyễn Đại Minh	15.000.000	15.000.000
Công ty CP XNK Thủy sản Hà Nội	129.000.000	71.400.000
Bưu điện Hà Nội	24.621.906	15.769.542
Công ty CP tư vấn và đầu tư VINACONEX 36	1.383.521.945	1.498.623.757
Công ty CP Tư vấn XD Petrolimex	285.600.000	81.600.000
Phạm Lan Thu	162.728.255	172.000.000
Công ty CP Vinaconex 18	200.804.200	457.418.303
Công ty CP Tư vấn Thiết kế kiến trúc nội thất Việt Nam	-	106.014.720
Cửa hàng VPP Bích Thủy	-	87.538.500
Công ty TNHH Ứng dụng và PT công nghệ ATC	-	86.148.137
Phạm Quốc Mạnh	-	3.300.000
Công ty Site Architecture-France	-	618.964.500
Công ty TNHH TM & DV kỹ thuật Thiên Thanh	34.792.200	-
Công ty TNHH thương mại và CPP Bảo Anh	14.294.500	-
Trung tâm Tư vấn thiết bị và xây dựng	70.000.000	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Đông Dương	130.000.000	-
Công ty TNHH Thiên năng	52.973.872	-
Công ty TNHH Niềm tin	315.985.870	-
Công ty TNHH thiết bị PCCC Hà Nội	34.765.951	-
Phạm Minh Chinh	80.795.598	-
Công ty CP XD điện Thành nam	346.699.500	-
Tổng cộng	19.253.622.777	16.246.216.533

2.7 Người mua trả tiền trước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CN Hưng Yên-Hưng Yên	30.000.000	30.000.000
Công ty khai thác nước ngầm-Hà Nội	8.000.000	8.000.000
BQLCT CC Hải Hà-Quảng Ninh	25.000.000	25.000.000
Sở Thể dục Thể thao Huế-Thừa Thiên Huế	20.000.000	20.000.000
Tổng công ty VINACONEX-Hà Nội	237.476.442	804.757.742
BQLDA y tế nông thôn Bình Phước-Bình Phước	9.332.040	9.332.040
Công ty tư vấn Phần lan Romboll-Phần lan	638.746	638.746
Ban quản lý Cái giá-TCông ty VINACONEX	33.401.398	33.401.398
Ban quản lý HTCN khu Dung quất GD2-TCông tyVINACONEX	565.931.000	565.931.000
Khách sạn Phương Đông-Nghệ An	2.500.000	2.500.000
Viện quy hoạch- BXD-Hà Nội	6.000.000	6.000.000
BQLDA Sở y tế Hà Nội-Hà Nội	65.000.000	65.000.000
BQL các CT trọng điểm Khánh Hoà-Khánh Hoà	158.000.000	158.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010***(tiếp theo)*

Phòng QL đô thị Sơn La-Sơn La	142.021.000	142.021.000
Công ty DSI-Hà Nội	18.901.540	18.901.540
BQLDA hạ tầng Tả Ngạn-Hà Nội	180.593.000	180.593.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 2-Thành phố HCM	239.315.000	239.315.000
BQL cửa khẩu Cầu treo - Hà Tĩnh-Thị xã Hà Tĩnh	809.897	809.897
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn-TP Hồ Chí Minh	434.374.000	434.374.000
Tổng công ty ĐTXD CTN và MT-HN	516.027.000	298.752.250
Công ty CP XD số 9-VINACONEX-HN	-	667.660.750
Công ty CP Đầu tư & Thương mại VINACONEX-191 Đường thống	-	80.000.000
Tổng cục Cảnh sát-Hà Nội	-	50.000.000
BQL khu kinh tế Vũng Áng-Hà Tĩnh	-	293.000.000
Ban QLDA ĐTPT GTĐT Hà Nội-44 đường Yên Phụ -BĐ-HN	-	126.000.000
BQLDA XM Cẩm Phả-Hà Nội	-	500.000.000
Công ty LD TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh-Hoàng Quốc Vi	-	317.000.000
Sở y tế Thừa Thiên Huế-Thừa Thiên Huế	-	225.000.000
Cục V26- Bộ Công An-Hà Nội	-	154.000.000
UBND huyện Triệu Sơn - Thanh Hoá-Thanh Hoá	-	77.000.000
TTPT Quỹ đất Hà Nội-265 Kim Mã - HN	-	11.315.000
CN Ngân hàng ngoại thương Hưng Yên-Bản Yên Nhân- Hưng Yên	-	257.300.000
Công ty LD VINATA-HN	-	320.000.000
BQLDA Thái Hà-Hà Nội	-	185.000.000
Công ty CP Thủy điện Cửa Đạt-Thanh Hóa	-	131.961.000
Công ty CP TMS Bất động sản-HN	-	135.306.810
BQL HTCN Sông Đà-Hà Nội	29.267.000	-
Công ty CP XD số 2 -VINACONEX 2-Hà Nội	79.066.543	-
Công ty TNHH Nam Thăng Long	168.000.000	-
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng-Hà Nội	1.516.219.950	-
Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Bắc Ninh-Bắc Ninh	200.000.000	-
Công ty CP ĐT xây lắp dầu khí Hòa Bình-Hà Nội	77.345.800	-
Tổng cộng	4.763.220.356	6.573.871.173

2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.681.096.795	5.158.425.067
Chi phí nguyên vật liệu	361.085.550	248.559.181
Chi phí đồ dùng văn phòng	194.825.366	300.352.308
Khấu hao TSCĐ	335.442.737	168.936.626
Phí, lệ phí	93.117.786	141.266.941
Phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu	-	56.569.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

Dịch vụ mua ngoài	944.238.977	1.286.116.122
Chi khác bằng tiền	1.584.440.797	3.134.461.013
Tổng cộng	9.194.248.008	10.494.686.758

2.9 Thu nhập khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập khác	355.413.346	7.772.727
Thanh lý TSCĐ	-	65.865.048
Tổng cộng	355.413.346	73.637.775

2.10 Chi phí khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán thanh lý	-	22.503.787
Chi phí hoàn thiện kiến trúc và phí thiết kế Công ty Vimeco	810.255.000	-
Chi khuyến khích dự thi phương án kiến trúc	9.000.000	-
Lãi chậm nộp phải trả Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng VN	-	-
Chi phí khác	3.565.065	366.602
Tổng cộng	822.820.065	22.870.389

2.11 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Phú

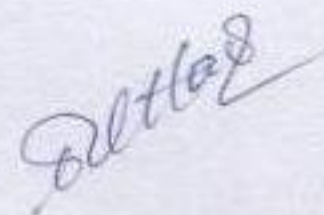
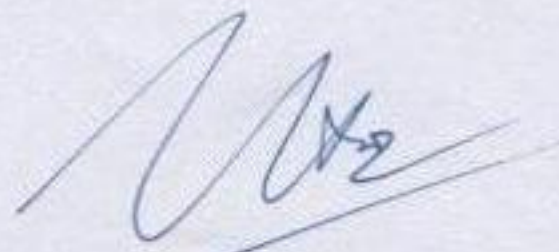
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Phạm Thị Phương Hoa

Bùi Thế Hải

Nguyễn Duy Khang



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Nhà D9 Phường Thanh Xuân Bắc - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 04 22 147 560 Fax: 04 33 540 600

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex, tên giao dịch là VINACONEX'S CONSTRUCTION CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt Vinaconsult., JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009 thì:

- Vốn điều lệ: **11.000.000.000 VND** (Mười một tỷ đồng Việt Nam);
- Cổ phần phát hành: 1.100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam <i>Đại diện:</i> Ông Đoàn Châu Phong Ông Nguyễn Duy Khang Ông Đặng Trần Tuấn Ông Trần Đăng Lợi Theo Quyết định số 129/2010/QĐ-PTNL ngày 15/03/2010 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	561.000
2	Nguyễn Duy Khang	Số 18, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	62.848
3	Bạch Văn Cường	81 phố Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.660
4	86 cổ đông còn lại		200.402

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Chu Linh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001621 ngày 17/12/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo Quyết định số 166 QĐ/CTCL-TCHC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

ngày 17/5/2004 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Chu Linh thì Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36. Công ty có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 10/03/2009 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **4.000.000.000 VND** (Bốn tỷ đồng Việt Nam).

Địa chỉ: E10, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tel: 04 35 533 657 Fax: 04 35 533 658

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Vinaconex 18

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tên giao dịch là VINACONEX CONSTRUCTION CONSULTANT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: VINACONEX.18., JSC tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 597/TC - UBTH ngày 09 tháng 4 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì Công ty Tư vấn Xây dựng Thanh Hóa trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2017/QĐ-BXD ngày 17/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000254 ngày 03 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 08/12/2010 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **3.000.000.000 VND** (Ba tỷ đồng Việt Nam).

Trụ sở chính đặt tại: Số 44 Minh Khai, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 037 3 852 463

Fax: 037 3 851 459

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;
- Tư vấn đấu thầu: lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải;
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Trụ sở chính đặt tại: Nhà D9 Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 22 147 560

Fax: 04 35 540 600

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|---------------------------|----------|
| - Ông Nguyễn Duy Khang | Chủ tịch |
| - Ông Đoàn Châu Phong | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Thanh Phương | Ủy viên |
| - Ông Đặng Trần Tuấn | Ủy viên |
| - Ông Lê Thanh Việt Bách | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|---------------------------|----------------|
| - Ông Nguyễn Duy Khang | Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Thanh Phương | Phó Giám đốc |
| - Ông Đặng Trần Tuấn | Phó Giám đốc |
| - Ông Lê Thanh Việt Bách | Phó Giám đốc |
| - Ông Bùi Thế Hải | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX



Nguyễn Duy Khang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 119 -11/BC-TC/I - VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex
cho năm tài chính 2010

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 được lập ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") từ trang 08 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex cho năm tài chính 2010:

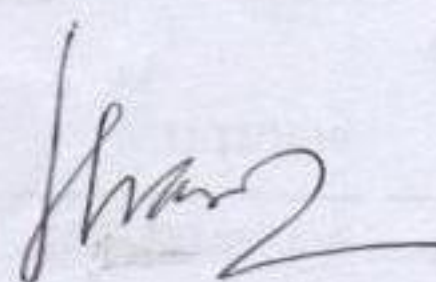
- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex giữ mười (10) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.




Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM


Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV

Mẫu số B 01 - DNHN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. Tài sản ngắn hạn ✓ (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		73.339.883.666	66.975.536.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền ✓	110	V.01	10.080.616.266	9.936.213.639
1. Tiền ✓	111		5.580.616.266	8.520.313.639
2. Các khoản tương đương tiền ✓	112		4.500.000.000	1.415.900.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn ✓	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn ✓	121		1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.921.841.950	47.684.762.054
1. Phải thu của khách hàng ✓	131		49.906.666.416	42.264.080.682
2. Trả trước cho người bán ✓	132		4.610.520.835	4.626.943.202
5. Các khoản phải thu khác ✓	135	V.02	1.592.899.201	1.239.273.449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi ✓	139		(1.188.244.502)	(445.535.279)
IV. Hàng tồn kho ✓	140	V.03	6.419.424.437	7.552.486.278
1. Hàng tồn kho ✓	141		6.419.424.437	7.552.486.278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ✓	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác ✓	150		918.001.013	802.074.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn ✓	151		-	155.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác ✓	158		918.001.013	647.074.801
B. Tài sản dài hạn ✓ (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		32.380.679.210	8.694.469.163
I. Các khoản phải thu dài hạn ✓	210		296.866.598	695.316.611
1. Phải thu dài hạn của khách hàng ✓	211		1.165.234.334	1.234.904.780
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi ✓	219		(868.367.736)	(539.588.169)
II. Tài sản cố định ✓	220		28.660.472.810	5.227.489.005
1. TSCĐ hữu hình ✓	221	V.06	4.616.036.331	5.227.489.005
- Nguyên giá ✓	222		12.513.587.233	12.171.766.959
- Giá trị hao mòn lũy kế ✓	223		(7.897.550.902)	(6.944.277.954)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ✓	230	V.04	24.044.436.479	-
III. Bất động sản đầu tư ✓	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn ✓	250		1.022.100.000	22.100.000
1. Đầu tư vào Công ty con ✓	251		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác ✓	258		1.022.100.000	22.100.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn ✓	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác ✓	260		2.155.709.599	2.417.509.693
1. Chi phí trả trước dài hạn ✓	261	V.05	2.013.616.364	2.417.509.693
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ✓	262		142.093.235	-
3. Tài sản dài hạn khác ✓	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		245.530.203	332.053.854
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		105.720.562.876	75.670.005.935

Mẫu số B 01 - DNHN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		82.771.471.743	56.021.233.031
I. Nợ ngắn hạn	310		70.213.658.835	56.021.233.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	4.200.000.000	1.380.774.351
2. Phải trả người bán	312		28.475.571.552	19.677.377.624
3. Người mua trả tiền trước	313		6.966.601.954	9.765.457.202
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	4.392.086.744	5.678.614.771
5. Phải trả người lao động	315		22.490.647.283	15.163.725.620
6. Chi phí phải trả	316		614.824.880	814.622.662
7. Phải trả nội bộ	317		-	1.693.291.139
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	2.778.579.500	1.879.038.969
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		295.346.922	(31.669.307)
II. Nợ dài hạn	330		12.557.812.908	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	11.973.774.351	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		41.538.557	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		542.500.000	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		19.192.286.605	16.563.246.276
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	19.192.286.605	16.563.246.276
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.624.190.000	1.624.190.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		47.439.819	23.364.632
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.606.306.048	1.027.731.750
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		253.157.135	75.592.700
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.166.936	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.655.026.667	2.812.367.194
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		3.756.804.528	3.085.526.628
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400+439)	440		105.720.562.876	75.670.005.935

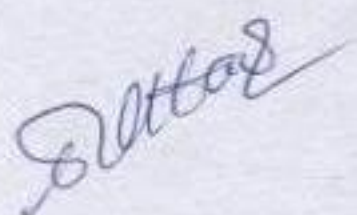
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 02 - DNHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	89.638.872.584	90.305.031.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		659.233.297	131.220.895
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		88.979.639.287	90.173.810.627
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	67.518.412.174	68.444.651.444
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.461.227.113	21.729.159.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	1.055.914.065	524.484.878
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	133.379.905	263.888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		133.379.905	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.1	15.204.259.330	15.951.743.055
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		7.179.501.943	6.301.637.118
11. Thu nhập khác	31	VII.2.2	418.108.231	110.498.697
12. Chi phí khác	32	VII.2.3	872.821.152	42.249.938
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(454.712.921)	68.248.759
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		6.724.789.022	6.369.885.877
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.659.193.743	939.886.520
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	6.035.683
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.065.595.279	5.423.963.674
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		715.621.207	877.431.896
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (62 = 60 - 61)	62		4.349.974.072	4.546.531.778
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.16	3.955	4.133

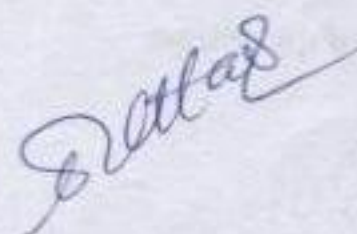
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 09 - DNHN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2010	Năm 2009
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		6.724.789.022	6.369.885.877
2	Điều chỉnh cho các khoản			96.169.744	1.184.341.428
	Khấu hao TSCĐ	02		957.566.692	843.961.880
	Các khoản dự phòng	03		(188.215.070)	751.049.757
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(806.561.783)	(410.670.209)
	Chi phí lãi vay	06		133.379.905	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.820.958.766	7.554.227.305
	Tăng giảm các khoản phải thu	09		(7.749.265.502)	(22.257.067.846)
	Tăng giảm hàng tồn kho	10		1.133.061.841	4.152.690.958
	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.783.118.309	20.630.370.262
	Tăng giảm chi phí trả trước	12		452.864.883	(1.605.534.370)
	Tiền lãi vay đã trả	13		(143.747.571)	(88.021.007)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.565.844.990)	(353.323.126)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		47.917.814	-
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(511.551.867)	(323.716.709)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.267.511.683	7.709.625.467
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(24.057.288.658)	(2.647.293.826)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		2.750.000	67.527.918
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(4.500.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.415.900.000	5.000.000.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		806.561.783	365.646.078
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.332.076.875)	(1.714.119.830)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		14.800.000.000	45.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.000.000)	(635.000.000)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(631.472.000)	(1.164.146.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.161.528.000	(1.754.146.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		96.962.808	4.241.359.637
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.936.213.639	5.671.489.370
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.439.819	23.364.632
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	10.080.616.266	9.936.213.639

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Phương Hoa
Phạm Thị Phương Hoa

Bùi Thế Hải
Bùi Thế Hải

Nguyễn Duy Khang
Nguyễn Duy Khang

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex, tên giao dịch là Vinaconex's Construction Consultant Joint Stock Company, tên viết tắt Vinaconsult JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2009 thì:

- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 VND (Mười một tỷ đồng Việt Nam);
- Cổ phần phát hành: 1.100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam <i>Đại diện:</i> Ông Đoàn Châu Phong Ông Nguyễn Duy Khang Ông Đặng Trần Tuấn Ông Trần Đăng Lợi Theo Quyết định số 129/2010/QĐ-PTNL ngày 15/03/2010 của Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	561.000
2	Nguyễn Duy Khang	Số 18, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	62.848
3	Bạch Văn Cường	81 phố Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.660
4	86 cổ đông còn lại		200.402

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn đầu tư: lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện nhỏ, cấp thoát nước và môi trường;

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010
(tiếp theo)

- Tư vấn đầu thầu: lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng;
- Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư;
- Thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, trường học, bệnh viện, công trình văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trang trí nội ngoại thất, các công trình cầu cảng, thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình đường dây và trạm biến thế điện 35 KV, công trình cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế, kiến trúc, trong xử lý nước, chất thải, bảo vệ môi trường, chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ mới;
- Đầu tư kinh doanh các công trình cấp, thoát nước và môi trường; đầu tư kinh doanh khu vui chơi giải trí, khu dân cư đô thị, đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu đường;
- Xây dựng thực hiện các công trình xử lý nước sạch, nước thải;
- Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Nhà D9 phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 22 147 560

Fax: 04 35 540 600

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất của Công ty

Số lượng công ty con: 02 Công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 Công ty

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36 | Địa chỉ: E10, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 55,5%
Quyền biểu quyết của Công ty: 55,5% |
| 2. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Vinaconex | Địa chỉ: Số 44 Minh Khai, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 61,47%
Quyền biểu quyết của Công ty: 61,47% |

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Đầu tư vào Công ty Con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty cổ phần mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2010. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 4
Phương tiện vận tải	6 - 10

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, bao gồm các loại chi phí: ISO, công cụ dụng cụ và lợi thế thương mại. Có thời hạn phân bổ từ 12 tháng cho đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước tiền nhà, tiền điện nước được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, các chi phí thực tế phát sinh trong các tháng trước.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành thực tế và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010
(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Riêng doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà thầu nước ngoài được ghi nhận căn cứ vào số tiền nhà thầu thanh toán theo điều khoản trên hợp đồng cung cấp dịch vụ và phát hành hóa đơn bán hàng với số doanh thu ghi nhận trong kỳ là 28.036.511.452 VND.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.3. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Thuế suất thuế GTGT áp dụng như sau:

- Thuế suất nghiên cứu báo cáo khả thi, tư vấn, thẩm định, khảo sát, thiết kế dự án là 10%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.4. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát, thẩm định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	660.217.684	905.207.918
VND	471.116.184	551.770.218
USD	189.101.500	353.437.700
Tiền gửi ngân hàng	4.920.398.582	7.615.105.721
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	376.651.235	139.135.590
VND	175.548.616	130.728.938
USD	5.617.484	5.361.668
EUR	195.485.135	3.044.984
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	1.047.385.878	7.169.445.560
VND	163.611.050	1.901.874.667
USD	883.774.828	5.267.570.893
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	755.349.575	-
VND	357.586.625	-
USD	397.762.950	-
Ngân hàng Công thương Thanh Xuân - VND	10.351.829	8.314.636
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - VND	272.516.699	12.822.160
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu - VND	1.531.387	-
Ngân hàng Cổ phần Thương mại An Bình - VND	-	1.023.926
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Đông Đô - VND	1.529.900.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	926.711.979	284.363.849
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	1.415.900.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Tây	4.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	500.000.000	1.415.900.000
Tổng cộng	10.080.616.266	9.936.213.639

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu BHXH - Chi nhánh Thanh Xuân	44.458.058	47.394.644
Thuế thu nhập cá nhân	109.386.166	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	4.963.557	538.749.830
Công ty CP Vinaconex 11 - Hải Dương	156.000.000	19.875.000
Xưởng cấp thoát nước số 1	243.078.619	95.000.000
Xưởng cấp thoát nước số 2	1.162.099	1.162.099
Phải thu khác	389.910.850	2.191.410
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội - Thành phố Thanh Hóa	-	1.365.524

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Vũ Hồng Điệp	7.650.000	-
UBND Quỳnh Phụ - Thái Bình	1.450.000	1.450.000
Bảo hiểm y tế	54.569.044	36.667.775
Tạm ứng cổ tức năm 2009 cho cổ đông cá nhân	-	80.913.000
DA XD trụ sở Công ty	12.133.636	-
TT giống cây trồng nông nghiệp	140.000.000	-
Cao Dững Thắng - phòng Tổng hợp	23.777.000	-
Lê Thị Thiệp Sở Xây dựng	15.572.000	15.572.000
Phòng Thí nghiệm	31.028.000	31.028.000
Trung tâm Quảng cáo	59.502.000	35.802.000
Đội Địa chất	130.130.000	130.130.000
Tiền ốm đau, thai sản	18.305.705	32.847.848
Phải thu thuế TNCN	23.615.433	5.149.950
UBND Huyện Bá Thước	4.004.000	4.004.000
UBND thị trấn Cảnh Nàng	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	117.203.034	154.970.369
Tổng cộng	1.592.899.201	1.239.273.449
3. Hàng tồn kho		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	13.906.190	22.857.193
Công cụ, dụng cụ	7.747.272	2.320.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.397.770.975	7.527.309.085
Tổng cộng	6.419.424.437	7.552.486.278
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tầng 6 Tòa nhà chung cư 25T2	24.044.436.479	-
Tổng cộng	24.044.436.479	-
5. Chi phí trả trước dài hạn		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.095.173.623	1.444.521.499
Chi phí sửa chữa trụ sở công ty	738.442.741	738.442.741
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	54.545.453
Giá trị thương hiệu	180.000.000	180.000.000
Tổng cộng	2.013.616.364	2.417.509.693

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010
 (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2010	6.001.475.798	2.824.514.315	3.264.605.292	81.171.554	12.171.766.959
- Mua trong năm	-	353.502.179	-	-	353.502.179
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(105.730.875)	-	-	(105.730.875)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2010	6.001.475.798	3.072.285.619	3.264.605.292	81.171.554	12.419.538.263
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2010	3.163.590.087	1.985.794.507	1.718.351.740	81.171.554	6.948.907.888
- Khấu hao trong năm	255.591.133	361.460.499	340.515.060	-	957.566.692
- Thanh lý, nhượng bán	-	(102.972.648)	-	-	(102.972.648)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2010	3.419.181.220	2.244.282.358	2.058.866.800	81.171.554	7.803.501.932
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2010	2.837.885.711	838.719.808	1.546.253.552	-	5.222.859.071
- Tại ngày 31/12/2010	2.582.294.578	828.003.261	1.205.738.492	-	4.616.036.331

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.254.204.636 VND

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 34.967.086 VND

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

7. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	1.380.774.351
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	1.373.774.351
Lê Xuân Kết	-	7.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi (*)	4.200.000.000	-
Tổng cộng	4.200.000.000	1.380.774.351

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi theo Hợp đồng tín dụng số 80/HĐTD 2010 ngày 13/10/2010 đến hạn trả trong năm tài chính 2011.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính : VND
				31/12/2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.372.435.603	8.797.309.638	10.271.369.855	2.898.375.386
Thuế thu nhập DN	930.224.852	1.801.286.978	1.565.844.990	1.165.666.840
Thuế thu nhập cá nhân	221.704.724	993.400.530	1.033.336.119	181.769.135
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	47.030.280	47.030.280	-
Các loại thuế khác	154.249.592	212.408.491	220.382.700	146.275.383
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.678.614.771			4.392.086.744

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	471.744.318	454.538.954
BHXH phải nộp	6.282.774	5.857.184
BHYT phải nộp	125.744	-
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.511.085.139	856.975.406
Kinh phí công đoàn	130.096.343	66.533.343
Bảo hiểm xã hội	10.717.566	-
Tiền bồi thường phải trả các hộ dân giải phóng mặt bằng khu B	99.626.993	99.626.993
Các khoản phải trả phải nộp khác	548.900.623	395.507.089
Tổng cộng	2.778.579.500	1.879.038.969

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010
(tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2009	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	881.652.614	13.529.207.246
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong các năm trước	-	-	-	4.546.531.778	4.546.531.778
Tăng khác	-	-	-	22.790.953	22.790.953
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(2.638.608.151)	(2.638.608.151)
Số dư ngày 31/12/2009	11.000.000.000	1.624.190.000	23.364.632	2.812.367.194	15.459.921.826
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.349.974.072	4.349.974.072
Tăng khác	-	-	296.792.101	-	296.792.101
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(272.716.914)	(2.507.314.599)	(2.780.031.513)
Số dư ngày 31/12/2010	11.000.000.000	1.624.190.000	47.439.819	4.655.026.667	17.326.656.486

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

10. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	11.973.774.351	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi (*)	10.600.000.000	
Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	1.373.774.351	
Tổng cộng	11.973.774.351	-

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi theo Hợp đồng tín dụng số 80/HĐTD 2010 ngày 13/10/2010. Được sử dụng vào mục đích đầu tư mua diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng toàn nhà chung cư 25T2 cụm nhà hỗn hợp cao tầng tại lô đất N05 thuộc Dự án khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 13/10/2010 đến ngày 13/10/2015 với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + biên độ tối thiểu 3,6%/năm, kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 15,5%/năm. Số tiền vay được trả thành 19 kỳ hạn (mỗi kỳ hạn là 03 tháng), kỳ đầu trả vào tháng 03/2010.

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.610.000.000	5.610.000.000
Các đối tượng khác	5.390.000.000	5.390.000.000
Tổng cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp đầu năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.650.000.000	1.971.787.000

11.4 Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	545.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	1.100.000	545.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>545.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.100.000	1.100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**12. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát và thiết kế	89.511.986.220	90.201.393.622
Doanh thu cho thuê mặt bằng	69.181.818	33.818.200
Doanh thu cho thuê nhà làm việc	16.250.000	32.729.000
Doanh thu cho thuê kiot	41.454.546	37.090.700
Tổng cộng	89.638.872.584	90.305.031.522

13. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ thiết kế, tư vấn và giám sát	67.518.412.174	68.444.651.444
Tổng cộng	67.518.412.174	68.444.651.444

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	802.302.773	524.484.878
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.352.282	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.259.010	-
Tổng cộng	1.055.914.065	524.484.878

15. Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí đi vay	133.379.905	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	263.888
Tổng cộng	133.379.905	263.888

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.349.974.072	4.546.531.778
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.349.974.072	4.546.531.778
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.955	4.133

VII. Những thông tin khác

1. Số dư với các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu			
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.988.499.324	3.776.180.909
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	10.385.000	141.256.998
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	95.533.636	600.383.635
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	35.227.273	2.084.754.545
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	536.106.073
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	2.183.800.908	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	Đơn vị cùng Tổng	1.239.750.655	1.745.744.068
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Vinaconex Thanh Hóa	Đơn vị cùng Tổng	18.181.818	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	2.877.142.831	8.020.707.479
BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	45.770.656	-
BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	12.063.636	2.471.548.418
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	363.238.924
Công ty CP đầu tư Xây dựng công trình ngầm	Đơn vị cùng Tổng	64.891.209	375.915.973
Tổng Công ty CP XNK XD Việt Nam	Công ty mẹ	10.633.136.545	3.631.383.317
Công ty CP Đầu tư và PT Điện Miền Bắc 2	Đơn vị cùng Tổng	-	138.466.364
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 2	Đơn vị cùng Tổng	311.520.909	101.287.273
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	608.287.455	224.945.455
Công ty Cổ phần thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	487.287.939	1.821.358.182
Ban điều hành công trình Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	28.776.364	-
Công ty CP PT thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	-	563.053.079
Ban quản lý dự án xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	30.730.909
Công ty CP Tư vấn TK Vinaconex Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	-	23.760.000

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Mua hàng

Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	277.345.614
Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	681.818.182	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	22.881.258.902	-
Công ty CP đầu tư Xây dựng công trình ngầm TCT CP XNK XD Việt Nam Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	50.002.910	270.448.972
	Công ty mẹ	7.580.729.838	1.906.753.860
Công ty CP đầu tư và PT điện Miền Bắc 2	Đơn vị cùng Tổng	-	54.752.932
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 2	Đơn vị cùng Tổng	231.168.705	75.657.783
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	506.074.363	168.812.027
Công ty Cổ phần thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	383.865.328	1.546.578.218
Ban điều hành công trình Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	19.074.731	-
Công ty CP PT thương mại Vinaconex (Chợ Mơ)	Đơn vị cùng Tổng	-	477.002.342
Ban Quản lý dự án xi măng Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	22.600.807

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	2.227.235.266	2.865.241.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	169.141.405	204.304.405
Công ty Cổ phần xây dựng số 3	Đơn vị cùng Tổng	833.980.000	2.293.230.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Đơn vị cùng Tổng	729.339.000	729.339.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Đơn vị cùng Tổng	-	595.908.101
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà và dịch vụ đô thị	Đơn vị cùng Tổng	-	49.467.000
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng HTC N Sông Đà Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	-	1.694.377.460
Ban quản lý dự án Đầu tư Hòa Lạc	Đơn vị cùng Tổng	-	497.249.875
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	63.613.800	63.613.800
Ban quản lý Dự án Cẩm Phả	Đơn vị cùng Tổng	-	119.439.514
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	1.734.520.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Đơn vị cùng Tổng	425.066.198	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	3.164.858.532	5.697.102.226
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam	Công ty mẹ	5.189.961.800	385.037.600
Công ty CP Đầu tư và PT Điện Miền Bắc 2	Đơn vị cùng Tổng	-	152.313.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Đơn vị cùng Tổng	21.380.330	113.507.570
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	181.167.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	673.906.533	716.698.800
Công ty CP PT Thương mại Vinaconex	Đơn vị cùng Tổng	-	2.489.387

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Phải thu dài hạn khách hàng

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	6.996.000	6.996.000
Công ty Xây dựng số 4	Đơn vị cùng Tổng	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 17	Đơn vị cùng Tổng	50.483.500	50.483.500

Trả trước cho người bán

Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam	Công ty mẹ	236.896.872	-
Công ty CP thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	-	150.000.000
Ban điều hành công trình thủy điện Cửa Đạt	Đơn vị cùng Tổng	53.346.000	85.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 3	Đơn vị cùng Tổng	87.267.600	146.675.600

Phải thu khác

Công ty Cổ phần xây dựng số 11	Đơn vị cùng Tổng	156.000.000	19.875.000
--------------------------------	------------------	-------------	------------

Các khoản phải trả**Phải trả nội bộ**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	585.573.000	637.984.000
--	------------	-------------	-------------

Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	196.745.445	34.929.140
Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng	782.026.560	782.026.560
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	925.512.139	1.274.298.545

Người mua trả tiền trước

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ	237.476.442	1.870.688.742
--	------------	-------------	---------------

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Ban quản lý HTCN khu Dung	Công ty mẹ	565.931.000	565.931.000
--	------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	Đơn vị cùng Tổng	33.401.398	33.401.398
--	------------------	------------	------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Đơn vị cùng Tổng	-	667.660.750
-------------------------------	------------------	---	-------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Đơn vị cùng Tổng	79.066.543	-
-------------------------------	------------------	------------	---

BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng	29.267.000	-
---------------------------------	------------------	------------	---

Doanh thu chưa thực hiện

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Đơn vị cùng Tổng	465.227.273	465.227.273
-------------------------------	------------------	-------------	-------------

Vay và nợ ngắn hạn

Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam	Công ty mẹ	1.373.774.351	1.373.774.351
------------------------------------	------------	---------------	---------------

2. Những thông tin khác**2.1 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	8.955.501.741	8.128.376.501
Chi phí nguyên vật liệu	386.781.330	289.745.421
Chi phí đồ dùng văn phòng	261.701.225	470.266.599

Mẫu số B 09 - DNHN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

(tiếp theo)

Khấu hao TSCĐ	642.494.077	313.700.530
Phí, lệ phí	154.508.413	205.825.791
Phân bổ lợi thế thương mại	36.064.789	56.696.500
Dịch vụ mua ngoài	1.731.430.357	2.159.476.599
Chi khác bằng tiền	3.035.777.398	4.327.655.114
Tổng cộng	15.204.259.330	15.951.743.055
2.2 Thu nhập khác		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thanh lý tài sản	4.750.000	65.865.048
Thu lại lương và hỗ trợ của nhân viên nghỉ việc	15.579.000	-
Điều chỉnh giảm nộp phạt thuế	40.057.052	-
Thu nhập khác	357.722.179	44.633.649
Tổng cộng	418.108.231	110.498.697
2.3 Chi phí khác		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán thanh lý	2.758.227	22.503.787
Chi phí dự thi phương án kiến trúc Dự án tòa nhà 45 tầng - Công ty Vimenco	810.255.000	-
Chi khuyến khích dự thi phương án kiến trúc	9.000.000	-
Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN và thuế	47.242.860	17.092.947
Chi phí khác	3.565.065	2.653.204
Tổng cộng	872.821.152	42.249.938

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú. Một số số liệu đầu kỳ đã được trình bày lại cho phù hợp với quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa



Bùi Thế Hải



Nguyễn Duy Khang

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINACONEX

Được tổ chức vào ngày 05 tháng 04 năm 2011

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc hội khoá 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khoá 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng VINACONEX được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/3/2009;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/BB-ĐHCD, ngày 5/4/2011

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 04 năm 2011, tại trụ sở của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng VINACONEX, Hội trường tầng 7, nhà D9, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng VINACONEX thường niên năm 2011 để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tổng số cổ đông triệu tập là 199 cổ đông, tương ứng 1.100.000 CP, 100% vốn điều lệ (Vốn điều lệ của Công ty là 11 tỷ đồng).

- Tổng số cổ đông đăng ký dự họp là 100 cổ đông, đại diện cho 981.640 cổ phần, chiếm 89,24% vốn điều lệ.

- Tổng số cổ đông đến dự họp là 82 cổ đông đại diện cho 897.320 cổ phần chiếm 81,58% vốn điều lệ.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 do ông Nguyễn Duy Khang – Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty làm Chủ tọa. Đại hội đã thảo luận và đi đến thống nhất thông qua các vấn đề sau:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

QUYẾT NGHỊ:

1: Thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và kế hoạch SXKD năm 2011 với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

TT	Nội dung	Đơn vị	Công ty mẹ VINACONSULT	Hợp nhất 3 công ty
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	65,847	99,885
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	61,746	90,454
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	9,617	14,975
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	Tỷ đồng	4,929	6,725
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đồng	8.115	6.142
6	Cổ tức	%	15%	15%

1.2. Kế hoạch sản xuất năm 2011.

TT	Nội dung	Đơn vị	Công ty mẹ VINACONSULT	Hợp nhất 3 công ty
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	87,340	123,900
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	79,151	113,557
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	10,861	17,429
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	Tỷ đồng	4,606	7,291
5	Thu nhập bình quân /người/tháng	1.000 đồng	8.552	7.127
6	Cổ tức	%	20%	20%

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%
Tổng số phiếu không tán thành	: 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2011.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%
Tổng số phiếu không tán thành	: 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

3. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2011:

- Tiếp tục đầu tư văn phòng tại tầng 6, tòa nhà 25T2, Dự án N05. Nghiên cứu khai thác sử dụng văn phòng có hiệu quả.
- Đầu tư 01 đến 02 ô tô con để phục vụ sản xuất. Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng.
- Thông qua dự án ĐTXD trụ sở Công ty VINACONEX 18.
- Thông qua việc cho VINACONEX 18 đầu tư mua 01 ô tô 5 chỗ, VINACONEX 36 đầu tư mua 01 ô tô 5 chỗ.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%
Tổng số phiếu không tán thành	: 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

4. Thông qua báo cáo công khai tài chính năm 2010.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%
Tổng số phiếu không tán thành	: 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

5. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định hoạt động SXKD của Công ty năm 2010.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%
Tổng số phiếu không tán thành	: 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

6. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2011(Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định)

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%
Tổng số phiếu không tán thành	: 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức của Công ty mẹ năm 2010.

Tổng lợi nhuận thực hiện là	: 3.850.517.654,đ tỷ lệ 100,00%
- Trích lập quỹ phát triển kinh doanh	: 1.545.929.653,đ tỷ lệ 40,15%
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	: 269.536.236,đ tỷ lệ 7,00%
- Chia cổ tức theo cổ phần	: 1.650.000.000,đ tỷ lệ 42,85%

(Tỷ lệ cổ tức theo cổ phần thực tế là: 15%)

- Trích lập quỹ phúc lợi khen thưởng	: 385.051.765,đ tỷ lệ 10%
--------------------------------------	---------------------------

Trong đó: Quỹ khen thưởng : 154.020.706,đ

Quỹ phúc lợi : 231.031.059,đ

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết	: 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP
Tổng số phiếu tán thành	: 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%

Tổng số phiếu không tán thành : 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

8: Thông qua phương án chi trả thù lao cho Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2011.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết : 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP

Tổng số phiếu tán thành : 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%

Tổng số phiếu không tán thành : 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

9: Thông qua việc Chủ tịch hội đồng quản trị thôi không kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty:

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết : 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP

Tổng số phiếu tán thành : 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%

Tổng số phiếu không tán thành : 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

10. Thông qua việc ông Nguyễn Thanh Phương, phó Tổng Giám đốc công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Giao cho HĐQT Công ty bổ nhiệm theo Điều lệ.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết : 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP

Tổng số phiếu tán thành : 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%

Tổng số phiếu không tán thành : 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

11. Thay đổi người đại diện trước pháp luật tại Giấy đăng ký kinh doanh cụ thể: Ông Nguyễn Thanh Phương thay cho ông Nguyễn Duy Khang.

Hình thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp

Tổng số phiếu biểu quyết : 82 phiếu tương ứng với 897.320 CP

Tổng số phiếu tán thành : 82 phiếu đạt tỷ lệ 100%

Tổng số phiếu không tán thành : 0 phiếu đạt tỷ lệ 0%

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng VINACONEX thông qua toàn văn tại Đại hội.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 12 giờ 00 phút cùng ngày.

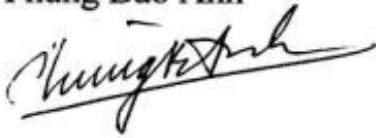
THƯ KÝ ĐẠI HỘI

ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Từ Xuân Minh



2. Phùng Bảo Anh



1. Nguyễn Duy Khang- Chủ toạ Đại hội



2. Đoàn Châu Phong – Thành viên ĐCT



3. Nguyễn Thanh Phương – Thành viên ĐCT



4. Đặng Trần Tuấn – Thành viên ĐCT



5. Lê Thanh Việt Bách - Thành viên ĐCT

